

NGUYỄN THỊ VINH



XÓM NGHÈO

PHƯỢNG GIANG
xuất bản * 1958

xóm nghèo

Nguyễn Thị Vinh



Paris * 05.2025

Bìa : *M. C. P*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

xóm nghèo

NGUYỄN THỊ VINH

PHƯỢNG GIANG

xuất bản * 1958

Cùng một tác giả

Đã xuất bản:

HAI CHỊ EM

THƯƠNG YÊU

XÓM NGHÈO

Sắp xuất bản :

Cô Mai

“KATHERINE MANSFIELD (một nữ văn hào Anh nổi tiếng khắp thế giới, chuyên viết những truyện không có truyện) đã khôn khéo (hơn Maupassant¹) ở chỗ muốn tả cuộc đời với đủ mọi sự phức tạp mà không làm cho đời thành có vẻ tuồng.

Tính thích bày cảnh, thích đập vào mắt người ta, đã tai hại rất nhiều cho những người đầu óc khá ở nước ta...

Trong một truyện, muốn đi tới một kết cục, thật dễ dàng; nhưng phải cần bao nhiêu là kỹ xảo khi mà câu truyện không có kết cục – tôi muốn nói không có kết cục nổi bật lên, gò gẫm bịa đặt ra không ít

1 Maupassant là một nhà viết truyện ngắn vào bậc nhất nước Pháp.

thì nhiều – hay nói cho đúng ra, truyện không có kết cục, nhưng mỗi một đoạn, mỗi một chi tiết, tự nó, đã là kết cục của nó rồi.”

Rút trong bài tựa cuốn THE GARDEN PARTY của MANSFIELD do nhà phê bình Pháp EDMOND JALOUX viết.

MỤC LỤC

1. Bé Hảo	13
2. Hai người anh họ	33
3. Bốc mộ	51
4. Bực mình	68
5. Xóm nghèo	80
6. Già Bốn	90
7. Tình lụy	111
8. Hai chị em	129

BÉ HẢO

Hảo mới lên năm tuổi, Người nó ngắn ngủi, chằm bằm ; nước da đen dòn ; mớ tóc rối xù, luôn luôn che gần hết cả cái trán ngắn của nó làm mặt nó càng như bệnh thêm ra. Hai má nó phình phính lúc nào cũng lem luốc, dính đất cát và nước mũi. Chỉ có đôi mắt nó là đặc. biệt, khác hẳn những trẻ chung quanh nó. Người ta bảo là mắt của nó giống mắt của mẹ nó. Cũng một kiểu dài thôn thôn, đen lay láy và hai hàng mi

dài làm tăng thêm vẻ hiền dịu. Tính nó hiền lành và chậm chạp lắm. Không ai nghe thấy nó chơi hò hét hay chạy nhảy bao giờ. Mỗi bận bị trẻ con hàng xóm bắt nạt thì nó chỉ khóc rấm rức, mà khóc rất dai.

Nó ở với bà Sắc là cô ruột của nó. Bà Sắc cũng lành như bột. Bà góa chồng, có hai người con trai đều làm thợ may ở tỉnh cả. Ở nhà chỉ có bà và Hảo sống hằm hút với nhau ở trong một cái nhà tranh nhỏ bé tận cuối làng. Chiều chiều sau khi ở chợ về, bà Sắc cất quang gánh vào buồng, xong vội vã quay ra nấu cơm và lôi Hảo ra tắm giặt cho nó. Xong việc thì trời nhá nhem tối, hai cô cháu dọn cơm ngồi ăn với nhau ở vỉa hè để đỡ phải đốt đèn sớm sự hao dầu. Ăn xong, bà Sắc còn phải xay thóc làm gạo để sáng hôm sau mang ra chợ bán sớm. Hảo chơi

loanh quanh bên bà Sắc một lúc rồi nó đi ngủ trước. Bên tai nó vẫn văng nghe tiếng xay thóc đều đều mơ hồ như lẫn vào trong giấc ngủ.

Không bao giờ nó biết lúc nào cô nó vào nằm bên nó. Tuy đôi lúc lơ mơ nó có cảm thấy cô nó ôm chặt nó vào lòng, và nó cũng xoay người rúc đầu vào nách cô, ôm lấy người cô, rồi ngủ thiếp đi. Và đến sáng, khi nó thức giấc thì bà Sắc đã gánh gạo ra chợ bán từ lúc nào rồi.

Nội nhà chỉ còn mình nó và con chó vàng nằm im ở chân giường. Hảo chỗi dậy ra ngồi bệt ở ngoài hè, nhìn một con gà mẹ đang dẫn một đàn gà con tìm mồi ở góc sân đất sát ngay hàng rào cây dâm bụt. Những con gà con xinh quá ! Cứ tròn như quả trứng, màu lông vàng óng như màu tơ. Có con màu nâu, có con lại

lốm đốm. Nhưng con nào cũng xinh, cũng đẹp cả.

Nó chợt nghĩ “Không biết thầy lũ gà con đâu mà không bao giờ nó thấy. Hay chúng nó cũng không có thầy đàn ông như thầy của thằng Tèo, thằng Cu Lớn v.v... mà chỉ có U, cũng như nó chỉ có cô Sắc thôi chứ gì”

Nhưng nó vẫn không hiểu tại sao nó lại không được gọi cô Sắc bằng U như tụi trẻ hàng xóm vẫn gọi mẹ chúng.

Ngồi nghĩ lẩn thẩn một lát rồi nó ra ngoài sân đình chơi. Nó gặp anh ba Hiếu đang bế thằng con nhỏ của anh. Trông thấy Hảo anh vui miệng hỏi :

– Hảo, U mày đâu ?

Hảo trả lời :

– Đi chợ rồi.

– Ai đi chợ ?

– Cô Sắc.

Anh ba Hiếu bật cười nói :

– Tao hỏi U mày cơ mà. Thế U mày là ai mày có biết không ?

– U tôi là cô Sắc.

Hảo trả lời xong bỗng nhiên nó thấy tủi và thẹn thẹn. Nó phải cái tính cả thẹn, cứ có người hỏi đến một chút thì đỏ mặt. Biết mình đỏ mặt thì nó càng cố đến phát khóc.

Anh Ba Hiếu thấy nó dơ dóm nước mắt thì không cười và cũng không trêu nó nữa, Chị Hai Ưu, chị Thèm, cụ Lý Bá và mọi người có mặt tại đây đều nhìn nó vẻ ái ngại. Có vài tiếng chép miệng và thở dài nhẹ nhẹ. Hảo dấm dứt khóc, nó

tức anh Ba Hiếu lắm : « Sao cái Tý nó đứng kia, anh không hỏi cái Tý mà lại đi hỏi nó. Và sao nó lại không gọi cô Sắc bằng U có được không ? »

Mọi tối, sau khi ăn cơm xong, bà Sắc xay gạo còn Hảo chơi loanh quanh bên bà một lúc rồi đi ngủ trước ; nhưng tối hôm ấy Hảo cứ sấn bấn ở cạnh bà, khiến bà phải gắt lên dục nó đến mấy bận :

– Đi ngủ đi Hảo !

Nhưng Hảo vẫn cứ ngồi yên: Mấy lần nó định kể với bà câu truyện anh Ba Hiếu hỏi nó hồi sáng, nhưng nó không biết nói ra làm sao.

Trong ánh sáng tù mù của ngọn đèn dầu nhỏ, trên khuôn mặt luôn luôn lo âu của bà Sắc, các nếp nhăn như sâu thêm lên. Thân hình bé nhỏ của bà nghiêng

ngả theo đà xay lúa một cách mệt nhọc. Đôi lúc tiếng cối ngưng lại tựa như bị vướng nghẽn, nhưng thực ra chỉ vì bà yếu sức không điều khiển được cối cho điều hòa. Hảo nhận thấy bà thường phải nghỉ luôn. Bà hay thở đánh phào một cái và đưa cánh tay lên gạt mồ hôi trán. Hảo biết bà mệt lắm. Lúc ấy nó muốn được bà ôm nó vào lòng để nó cũng ôm chặt lấy bà và gọi : « U ơi ! » Nó muốn gọi cô Sắc của nó bằng U quá, nhưng chỉ mới thầm muốn thôi mà nó cũng đã thẹn thẹn. Nó không biết làm thế nào để gọi được hai tiếng : « U ơi ! » thân yêu ấy ra thành lời được nên nó cứ dãn mặt ra ngồi nhìn bà Sắc.

Như cảm thấy điều gì trong cái nhìn của cháu, bà Sắc ngừng tay xay lúa, lấy vạt áo lau mồ hôi mặt vira để che bớt nỗi cảm động, bà bảo Hảo :

– Đi ngủ thôi chứ, con !

Nghe giọng nói thân yêu của bà Sắc, Hảo thấy sung sướng và tủi thân, vì Hảo biết trong giọng nói ấy bà Sắc giấu nhiều nỗi yêu thương nó lắm. Nó bỗng òa lên khóc và nức nở bật kể cho bà Sắc nghe câu chuyện hồi sáng anh Ba Hiếu hỏi nó và cười nó thế nào.

Giọng đầy nước mắt, nó hỏi bà.

– Thế sao con lại không gọi cô bằng U hử có ? Hay tại con không có thầy ?

Bà Sắc quay mặt đi để giấu nước mắt và mắng át Hảo trong tiếng cười gượng :

– Cha mẹ mày, hỏi lẫn thần mãi. Đi ngủ đi !

– Nhưng thầy con đâu ? Thầy con là ai ?

– Thầy mày là em ruột tao. Thầy mày chết từ hồi mày mới được ba tháng kia.

– Tại thầy con chết nên con mới không gọi có bằng U phải không cô ?

– Không phải thế. Tại tao là cô mày...

Bà Sắc ngưng kịp không nói nốt câu: «... chứ không phải là U mày. » Nhưng Hảo hình như cũng mang máng cảm thấy như thế nên trong lòng nó thắc mắc và buồn thế nào ấy. Nó muốn hỏi cô nó nhiều điều lắm, nhưng chính nó cũng không rõ là nó muốn biết thêm điều gì và hỏi thế nào, vì thế nó lại dần mặt ra.

Bà Sắc thương cháu, liền bế nó vào đi ngủ. Hảo ôm chặt lấy cổ bà rồi thêm thiếp ngủ ngay trên tay bà.

Đặt cháu ngủ xong, bà Sắc lại quay ra xay lúa. Tiếng cối âm ỳ, nhưng vẫn

không làm tan được nỗi thương nhớ, đau buồn trong lòng bà.

Bà nhớ đến cậu Tồn, bố của bé Hảo, là người em trai độc nhất của bà.

Hồi còn sống, cậu Tồn làm cai thợ may cho một hiệu may đồ tây lớn nhất ở Hà-nội. Vì có hoa tay làm việc giỏi, cậu được chủ mướn nên làm ăn rất khá giả. Cậu Tồn rất thương bà, vì bà lấy chồng nghèo. Cậu luôn luôn giúp đỡ gia đình bà. Chồng bà được cậu lo cho đồng sưu, đồng thuế. Hai con bà được cậu đem lên Hà nội cho học nghề may. Mỗi lần cậu về làng thăm bà, bà rất thích nghe tiếng giày tây của cậu nện cồm cộp trên những viên gạch đường làng. Bà thường tủm tỉm nghĩ thầm :

– Trông cậu ấy mặc sang cứ y như là

ông tham nhà nước vẫn về làng đo ruộng ấy.

Cậu Tồn thích ăn mắm tôm riu của bà làm. Cậu hay khoe với mọi người rằng bà Sắc làm mắm, làm tương giỏi nhất làng. Cứ ngồi nhìn cậu ăn cơm mắm với lá lộc sung một cách ngon lành mà bà thấy sung sướng. Làn nào cũng vậy, hề bà định bắt gà làm thịt đãi cậu, thì bao giờ cậu cũng gặt đi, và chỉ đòi ăn cơm với mắm thôi,

Về mùa rét, cậu Tồn thích nấu nước lá chanh lá bưởi để tắm những dịp cậu ở nhà ; không để cậu phải hỏi, bà Sắc cũng tự ý đi hái lá đem bỏ vào chiếc nồi đồng to nấu nước cho cậu, rồi bà đem chiếc cốt ra quây ở bên cạnh bể nước để cậu tắm ở đấy. Chiếc cốt ấy bây giờ vẫn còn nhưng đã rách không dùng được nữa,

bà đem để nó ra vườn sau cạnh chuồng gà. Còn cái nồi đồng to thì đã mấy năm nay vẫn cất y nguyên ở buồng trong. Xưa kia còn cậu Tồn thì chiếc nồi ấy chỉ để thỉnh thoảng nấu nước tắm cho cậu, và ngày Tết thì luộc bánh chưng, nhưng bây giờ bà không lấy ra dùng làm gì nữa. Bà sống giản dị, không bao giờ phải cần đến một nồi nước nóng to như thế. Tết nhất bà cũng: không có gói bánh chưng như hồi còn chồng bà và cậu Tồn nữa. Bây giờ, người ít, ăn ít, gói không bõ công. Vả tiền đâu.

Hồi cậu Tồn chưa vợ, bà vẫn rắp tâm định hỏi cô Vân, con ông Lý Cựu cho cậu, nhưng bà chưa kịp nói thì bỗng một hôm, nhân dịp làng có hội, cậu Tồn về đem theo một người đàn bà ăn mặc theo lối tỉnh, dáng người óng ả, có cặp mắt thôn dài đen láy. Rồi cậu giới thiệu với

mọi người là vợ cậu. Bà Sắc buồn mất ít lâu không phải bà không ưa người em dâu, vì mợ Tồn rất thùy mị, bà không chê trách mợ điều gì. Nhưng tại bà không còn được tự tay săn sóc cho người em trai độc nhất của bà như trước nữa, Trong tình chị em của bà đã có nhiều sự thay đổi nhỏ nhặt, tuy hai người vẫn thân yêu nhau. Bà cảm thấy nhớ tiếc một điều gì không rõ rệt. Nhưng tính bà vốn hiền lành, giản dị nên không bao lâu, sau mấy bận vợ chồng cậu Tồn về thăm bà thì bà đã quên. Bà yêu quý chiều chuộng cả hai vợ chồng em. Mợ Tồn cũng quý bà thật tình. Cách đó mấy tháng sau ông Sắc qua đời. Bà khóc ngấm khóc ngấm mất mấy tháng mới tạm khuây. Trong thời gian này vợ chồng cậu Tồn về thăm bà luôn. Mợ Tồn hồi này đã có mang.

Tết ra được ít lâu tự nhiên bà thấy

nóng ruột nên bà phải nghỉ buổi chợ, nhân thế ở nhà phơi thóc. Hôm ấy vào ngày hai mươi sáu tháng giêng. Bỗng có người gọi bà phải ra Hà Nội ngay, vì cậu Tồn mắc bệnh đau màng óc, hiện đã nằm ở nhà thương, và đã phát mê không biết gì nữa. Bà hoảng hốt theo người đó, ra tới tỉnh hồi bốn giờ chiều. Tới hai giờ đêm thì cậu Tồn mất. Hồi đó mẹ Tồn mới sinh Hảo được ba tháng.

Nghĩ đến đây như bị xúc động mạnh bà phải nghỉ làm, ngồi xuống đất đưa bàn tay lên bóp trán, bà lại nhức đầu, bà tự cảm thấy hồi này yếu hơn nhiều. Nhìn chỗ gạo làm chưa xong, bà thở dài. Cái mệt thể xác lẫn nỗi buồn trong tâm hồn làm người bà rời rạc. Bà đến phải bỏ dở việc đấy mà đi nghỉ thôi chứ không cố được nữa. Bà vừa đưa tay ra đằng sau tự dấm vào lưng mấy cái vừa uể oải đứng

dậy thu xếp để nghỉ, Hình ảnh của cậu Tổn và chồng bà lại hiện ra trong trí nhớ ; bà vội đưa tay lên xoa mặt, như không muốn nghĩ đến nữa, nhưng nước mắt lại trào ra. Bao giờ cũng vậy, cứ để mặc cho ý nghĩ được nhớ đến chồng, đến em thì lòng bà lại bị đắm chìm trong nhớ thương se sắt, lẫn với mọi kỷ niệm vui buồn. Bà sợ buồn nhưng bà vẫn thích nhớ từ mảy đến từng lời nói, từng dáng đi, cách đứng, từng việc làm của người đã khuất để mà tiếc thương, đau xót. Những lúc ấy, ít khi bà khóc, nhưng buồn thấm thía ! Còn khi nào bà cố không muốn nhớ đến thì trong lòng bật thấy khổ sở mãnh liệt làm bà lại nức lên khóc không thể nén được,

Trong nhà mỗi cái đều có ghi kỷ niệm của ông Sắc ; ngay chiếc bàn thờ kia chính tay ông đóng lấy để thờ gia

tiên, bây giờ bà bày thêm cả bài vị ông và cậu Tồn ở trên đó. Còn hai cây cảnh ở sân cũng là do cậu Tồn, nhân dịp Tết, mua ở tỉnh đem về, rồi lại do tay ông Sắc uốn thành hình con hạc. Sáng mồng một Tết năm đó, hai anh em ông Sắc và cậu Tồn dậy sớm đốt pháo mở hàng, hai cậu con bà reo vui chạy nhảy trên sân đất đỏ những xác pháo ; không khí trong nhà ngào ngạt mùi khói pháo lẫn với mùi hương và cỗ cúng. Trên bàn thờ đèn nến sáng ngời.

Xưa kia thì thế, chẳng bù với bây giờ ngày Tết mà ở nhà chỉ có mình bà và Hảo, Sáng mồng một bà theo tục lệ, dậy sớm để làm cỗ cúng. Bà cũng làm thịt một con gà, lúc ấy trời chưa sáng hẳn, Hảo hầy còn ngủ. Chỉ có mình bà thui thủi đi ra đi vào trong căn nhà bếp, ánh lửa rơm lập lòe không đủ làm tan không khí

giá rét. Thỉnh thoảng bà phải ra sân mức nước ở bể. Mỗi lần đặt chơn trên mặt sân đất còn ẩm sương đêm lạnh buốt, bà lại chạnh lòng nhớ tiếc những xác pháo đỏ tươi của cái tết năm nào...

Thu dọn xong, bà khe khẽ lên nằm cạnh Hảo ; nhớ lại những câu con bé hỏi bà hồi tối, bà lại thương nó quá,

Hồi Hảo được sáu tháng, mợ Tồn mang Hảo về gửi bà nuôi hộ, vì mợ mắc đi buôn bán xa. Lúc đầu, mợ thường về thăm Hảo đều đều ; nhưng bằng đi một dạo đến bốn năm tháng, mợ mới về. Lần này, mợ mang về biếu bà Sắc chiếc áo cánh bông, và Hảo được mợ may cho hai bộ quần áo bằng lụa màu hồng, một chiếc áo len đỏ do tay mợ đan. Mợ còn mua cho Hảo mấy thứ đồ chơi nữa. Mãi tới nay, Hảo vẫn còn giữ được con vịt bằng cao su từ dạo ấy.

Bà Sắc còn nhớ như in hình dáng mơ Tồn bế bé Hảo ngồi trên chiếc giường mé bên trái ; mẹ vừa mặc áo mới cho con, vira cười nói chuyện với nó, nhưng mặt mẹ thì đầm nước mắt. Tối đến, mẹ ngủ với Hảo cũng ở trên chiếc giường đó. Bà Sắc nghe mẹ thì thầm nói với Hảo, tuy con bé không hiểu gì cả:

– Con ơi, mẹ ở với con nhé. Con có thích cho mẹ ở với con không ? Con có thích ngủ với mẹ không ?

Rồi mẹ hôn con chùn chụt. Ở giường bên này bà Sắc nằm im cố nén tiếng thở dài.

Kỳ đó mẹ ở nhà chơi lâu nhất, dễ đến sáu, bảy hôm ; và khi gửi Hảo lại với bà Sắc để đi, mẹ khóc nhiều lắm.

Thế rồi băng đi mấy năm nay mẹ

không về nữa. Có người gập nói mợ đã có chồng nhưng trông mợ không được khá lắm và buồn buồn thế nào. Bây giờ nghe đâu mợ đã theo chồng đi xa lắm.

Nghĩ đến đây, bà Sắc bỗng ôm chặt lấy Hảo và nói nho nhỏ :

– Con ! con ở với U. U thương con !

Không biết Hảo ngủ hay thức, nhưng nó bỗng xoay mình, rúc đầu vào nách bà và ôm chặt lấy bà.

Hơi nóng từ ở người hai cô cháu thấm lẫn sang nhau như một tình thương vô bờ bến...

HAI NGƯỜI ANH HỌ

Năm ấy Văn mới mười tám tuổi. Nhân vụ hè Văn về quê nghỉ, tình cờ gặp hai người anh họ cùng suýt soát tuổi với Văn : Thọ, con của người bác và Huân con của bà cô. Hai người cũng cùng ở Hà-nội về nghỉ hè.

Mới chỉ mấy hôm, ba anh em đã trở thành tri kỷ. Huân làm thợ may, đã vào nghiệp đoàn và đã được tuyên truyền nên hiểu biết ít nhiều về chính trị. Anh đem cách tổ chức nghiệp đoàn và tình

thần của giới thợ thuyền nói cho Thọ nghe. Còn Thọ, vì có học, lại từng đọc nhiều nên anh biết nhiều cái mà Huân không biết. Anh nói chuyện với Huân về tình hình thế giới, về việc cải cách hương thôn, vấn đề vệ sinh, v. v... Cả hai đều có ý phục lẫn nhau.

Văn coi hai anh họ của mình như những bậc vĩ nhân vì thấy họ bàn đến những chuyện to lớn quá. Thọ và Huân cũng mến Văn, cũng tự cho mình là có bốn phận tuyên truyền, đưa dắt Văn.

Sáng sáng, sau khi tập thể thao xong, ba anh em thường rủ nhau lên đê chơi. Họ đi thủng thỉnh hưởng những cơn gió mát buổi sáng, ngắm mặt trời mới mọc và nhìn dòng sông nước đục lờ chảy êm êm. Chán rồi họ đến bên cái lò gạch bỏ không ở trên đê ngồi bàn chuyện thế giới. Họ nói thao thao không ngớt. Nào

phê bình Tưởng Giới Thạch, Hitler, Mussolini, nào bàn đến sự vượng suy của các nước, rồi lại tính đến chuyện hưng vong của nước nhà, cùng nhau dự tính nhiều câu chuyện đại sự mà cứ tưởng sức mình làm được dễ dàng. Có nhiều ngày, ba anh em quên cả bữa ăn, bận rộn nhiều, chép, chương trình, thảo viết báo hô hào, v.v... rồi đem giấu kỹ trong dui nhà để chờ ngày mang ra dùng.

Ngoài những tư tưởng cách mệnh, Thọ còn có tài xuất khẩu thành thơ và lại thích ngâm thơ của mình cho người khác nghe, Huân có tài vẽ, tuy anh chẳng học vẽ bao giờ. Thấy anh vẽ được bức tranh cô gái ngồi giặt trên cầu ao, hay bức Lã Bố hý Điêu Thuyền phỏng theo những bức tranh in của Tàu, thì cả làng khen anh có hoa tay, Thọ thường ngâm ngùi bảo Huân :

– Đấy anh xem, giá nước mình cũng được như ở các nước văn minh khác thì anh đã được vào trường theo học vẽ, để trở nên bức họa sĩ đại tài, nhưng ở nước mình thì anh lại đi làm thợ may.

Nghe Thọ nói, nét mặt Huân buồn buồn. Anh gật gù có vẻ tán thành nhưng không nói gì cả.

Có những buổi chiều, ba anh em ra bờ sông chơi. Văn và Thọ ngồi câu cá, Huân loay hoay vẽ những bức sơn thủy. Trong lúc ngồi chờ cá cắn câu, Thọ nảy trí được bài thơ nào lại vội buông cần câu ghi chép rồi ngâm vang lên. Huân vỗ tay khen là hay, Thọ nhìn vào bức vẽ của Huân cũng tấm tắc khen giỏi.

Thấm thoát đã hết vụ hè, những chương trình đã thảo vắn giấu trên mui nhà, chưa kịp đem ra thi hành thì ba anh

em đã phải từ biệt nhau, người đi học, người đi làm. Từ đó, Văn ít có dịp gặp lại hai người anh họ.

Sáu tháng sau, Văn được gia đình cho sang Pháp học ; thế là anh lại càng không có dịp được gần Huân và Thọ nữa.

Tuy xa cách, nhưng Văn vẫn giữ trong lòng mỗi cảm phục hai người anh họ, Văn tin tưởng họ sẽ trở nên những người không thường.

✱

Tám năm sau, Văn trở về nước, Anh vui mừng khi nghĩ đến sắp được gặp lại Huân và Thọ, vì trong thời gian ở Pháp, Văn vẫn chẳng quên những kỷ niệm êm đẹp và cái ý tưởng và trời thuở trước của mấy anh em. Văn cũng được tin Thọ và

Huân cùng đã có vợ. Độ ấy Hà nội nhộn nhạo, nhiều gia đình phải chạy loạn. Vì vậy, nhân thể Thọ ở tạm nhà quê ; nhà sản vườn, ruộng, anh trông nom theo nếp cũ bố mẹ, và vợ anh cũng là người nhà quê nên lần đầu anh không còn tính việc ra ở Hà-nội nữa.

Còn Huân, vì công việc không có nên cũng đành phải về quê làm ruộng đỡ vợ.

Một buổi, Văn đáp chuyến xe lửa sớm nhất về thăm Thọ và Huân. Văn nóng nảy muốn gặp hai người anh họ ở chốn cũ..

Tới ga, xe lửa vừa ngừng, Văn vội xách va ly nhảy xuống. Cảnh vật nơi đây vẫn vậy, sau tám năm xa cách mà không có gì thay đổi. Chung quanh cái nhà ga nhỏ bé, lèo tèo mấy quán nước vắng, và

cái quán của bác Tý ở dưới gốc cây bàng vẫn còn bán món canh bánh đa cua. Món này ngày xưa ba anh em thích ăn lắm, thường rủ nhau từ làng ra ga xa chừng hơn một cây số để ăn bát canh bánh đa rồi lại trở về.

Văn rẽ vào con đường đất về làng, nhìn những thửa ruộng lúa xanh mới cấy ở hai bên con đường đất anh đang đi, và dàng kia, sau hàng tre xanh, thấp thoáng thấy cái cổng làng màu trắng. Mùi ruộng lúa, mùi cỏ, mùi đất, mùi mồ hôi của mấy con trâu đang gặm cỏ bên bờ, tất cả mọi thứ đó gây cho Văn một cảm giác vui vui nhưng lẫn có chút buồn : trước cảnh quê hương thân mến, Văn cảm thấy tình đất nước vẫn mật thiết với mình. Tám năm trời ở Pháp, lúc này đối với Văn chỉ như một giấc mơ.

Vào đến làng, Văn tới nhà Thọ trước,

Văn thấy Thọ mặc bộ quần áo cánh ta, đang ở sản cúi dặt đứa con mới chập chững biết đi. Nghe tiếng chó sủa, Thọ ngẩng lên nhìn. Khi nhận ra Văn, bỗng nhiên Thọ luống cuống gọi người nhà ra đỡ đứa bé rồi chạy ra đón Văn. Thọ hơi lúng túng khi Văn đưa tay ra bắt, Miệng Thọ chỉ lắp bắp đưa được hai câu:

– Ô Văn ! Ô, Văn !

Văn hỏi thăm đến Huân, Thọ chỉ đáp:

– Anh ấy độ này vẫn ở nhà.

Rồi Thọ gọi vợ con lên giới thiệu với Văn và bảo làm cơm thết Văn. Trong lúc ăn, Văn gợi chuyện thời thế ra để nói. Thọ cũng trả lời, nhưng không còn những giọng hăng hái, bông bột như hồi nào nữa. Anh lại e dè nói với Văn :

– Ở đây bây giờ tại Nhật nó khủng bố ghê lắm. Tháng trước làng này cũng có mấy người bị bắt. Thôi, chưa phải thời, chúng mình chưa bàn đến việc gì được.

Rồi anh chỉ vào đĩa xào nói:

– Kia, chú xơi đi chứ. Thịt ếch đấy. Đây ai làm ếch cũng lột da bỏ đi, chỉ có nhà tôi là nó lấy cả da. Nó tấy bằng vôi rồi làm thế nào không biết mà xào lên ăn giòn, còn ngon hơn lòng tràng nữa. Lại còn gỏi cua, nó làm cũng khéo, để mai tôi bảo nó sửa soạn một bữa thết chú.

Lúc Thọ nói khen vợ làm khéo thì nét mặt vui tươi hẳn lên và miệng mồm mỉm cười. Còn Văn nhận thấy cách xưng hô của Thọ gọi mình bằng chú một cách rất tự nhiên.

Hai người đang ăn thì Huân đến,

Văn vui mừng bỏ đĩa bát đứng lên nắm tay anh mà lắc. Mắt Huân long lanh lộ vẻ vui được gặp Văn, miệng vẫn nhai trầu bồm bồm, anh cười nói:

– Tôi thấy nói có chú về, tôi vội xuống. Thế nào, khá chứ ?

Văn nháy mắt nhắc lại một câu mà xưa kia mấy anh em thường nói :

– Ô phải biết,

Huân cười đáp lại, Thọ hỏi Huân :

– Bác đã xơi cơm chưa ? Cùng xơi nhân thể đi.

Huân đưa mắt nhìn qua mâm cơm, Anh ngần ngừ rồi trả lời, giọng không được thực thà :

– Mời hai chú, tôi đã vô phép.

Văn bỗng nhiên phá lên cười, nói :

– Gớm, các anh bây giờ đứng đắn quá, nào chú nào bác cẩn thận. Sao không gọi tên như hồi xưa có tiện không ?

Cả Huân và Thọ cùng cười ngượng ngáp.

Huân đánh trống lảng:

– Chiều nay mời hai chú xuống xơi cơm với tôi nhé !

Thọ chưa kịp trả lời thì Văn đã đáp :

– Ô, tôi chưa nói với các anh nhỉ. Tôi bận lắm. Nhớ các anh quá nên phải về chơi một buổi. Chiều nay tôi phải đáp chuyến tàu cuối sáu giờ ra Hà-nội.

Sự thực thì Văn không có gì bận đến phải ra ngay. Trước khi về đây, anh cũng sắp đủ các thứ cần dùng vào va-ly,

tính ở lâu lâu ; nhưng anh đã chán nản thấy Huân nhai trầu bồm bẻm và gằn như khinh khinh Thọ, còn Thọ thì hình như bằng lòng về cảnh gia đình đầy đủ vợ khéo, con khôn của mình. Những chỉ hướng ngày trước, Thọ không còn dám khơi ra. Mỗi khi Văn nhắc lại, mặt Thọ cũng thấy lộ ra vẻ như buồn như tiếc, nhưng anh chỉ nói :

– Thôi, chưa phải thời, bây giờ ai mà dám làm gì. Làm việc mà không đợi thời cơ thì chỉ có mà ngồi tù chứ ích gì...

Cơm xong, Huân mời Thọ và Văn xuống nhà mình chơi. Thọ từ chối còn phải ở nhà trông con để vợ đi giã gạo, Văn chán nản đi một mình với Huân.

Tối nhà, Huân cũng gọi vợ lên giới thiệu với Văn, rồi giục vợ đi đun nước. Xong anh đứng lên lấy bộ chén hạt mít

trên bàn thờ xuống rửa. Một lát sau, vợ Huân đem ấm nước sôi lên : Huân tự tay pha trà đưa mời Văn, Văn thở dài rất nhẹ, đỡ chén trà trong tay Huân xong đặt xuống, rồi thung thả bước ra hè, tới cây cau bên cạnh bể nước, Văn ngừng lại nhìn chăm chăm vào những nét khắc tên của ba anh em hồi trước mà Thọ đã khéo tay khắc vào đấy.

Phía sau bể, sát với hàng rào dâm bụt, một cái lu vỡ vứt lán lóc, Văn nhớ lại cái lu ngày xưa kia mấy anh em, dùng đựng nước lọc để uống mỗi buổi sáng trước khi tập thể dục.

Bỗng tiếng Huân nói bên anh:

– Chú còn nhớ cái lu đấy không ?
Tôi vẫn giữ nhưng hồi năm ngoái con Vện nhà tôi cắn nhau với con Mực bên

bà Cả, chạy loạn cả lên làm võ mất. Giận quá.

Văn ngừng lên nhìn Huân, trong một phút Văn hiểu. Thì ra cũng có lúc Huân cũng như anh, nhớ tiếc những cái gì đã qua. Lòng Văn nao nao. Cả hai anh em cùng nhìn xuống sân mà cùng chẳng nhìn gì cả.

Mấy phút sau Huân lên tiếng trước ;

– Mời chú vào xơi nước kéo nguội.

Khi hai anh em ngồi bên khay nước Huân buồn rầu khẽ nói :

– Chú Thọ dạo này khác lắm, chú ạ. Chú ấy nghe thím ấy quá. Độ này tôi làm ăn vất vả, nghề may thì không có việc. Còn ruộng nương trước kia bên chú Thọ vẫn cho nhà tôi cấy rẽ năm mẫu ; năm nay thím Thọ đòi cả lại, nhà tôi phải nói

mãi thím ấy mới để cho có hơn một mẫu.

Chiều đến, gần tới giờ tàu, Văn từ biệt Huân ra Hà-nội. Thọ cùng đi để tiễn Văn ra ga. Còn Huân chỉ tiễn tới cổng làng.

Đi được mấy bước, bất giác quay lại, anh bắt gặp Huân đang đứng nhìn theo mình. Ánh mắt Huân buồn bã, luyến tiếc. Văn cảm thấy Huân nhìn như có vẻ hai người từ biệt nhau mà biết không có dịp gặp nhau nữa, Văn giơ tay vẫy, Huân cũng giơ tay và nhếch mép cười như mếu.

Đi bên cạnh Thọ, Văn còn đương tìm cách định nói chuyện với Thọ về thơ phú xem độ này Thọ có còn hay làm thơ nữa không ; nhưng Văn thấy Thọ đi sát vào gần mình và lên tiếng trước, giọng to nhỏ :

– Này chú, bây giờ anh Huân khác lắm cơ. Hôm nọ, chị ấy sang vay nhà tôi hai thìa mỡ, nhà tôi nó cho vay mỡ đặc, mãi đến nửa tháng sau chị ấy mới mang trả, lại trả mỡ loãng mới rán. Chú thử tính xem hai thìa mỡ đặc thì được đến sáu thìa mỡ loãng ấy chứ lại.

Văn ngạc nhiên nhìn Thọ.

Thọ vẫn tiếp :

– Lại một lần chị Huân mang chén sang vay nước mắm, nhà tôi nó cũng cho vay. Nước mắm ấy nhà tôi nó mua những hai mươi đồng một lít mà nó rót cho vào chén cứ đầy ăm ắp, cái thứ chén con gà sâu lòng ấy. Thế mà lúc đã trả chị ấy đem trả nước mắm thối, mà lại đóng vào cái chén nhỏ.

Cứ những chuyện như thế mà Thọ vừa đi vira kể mãi cho tới khi đến ga. Vừa may lúc ấy tàu sắp đến, Văn chen vào mua vé xong, không đầy mười phút sau tàu tới. Văn bắt tay Thọ từ biệt.

Lên đến tàu, Văn cảm thấy nhẹ nhàng như vừa thoát một tai nạn, Văn tìm một chỗ ngồi và bắt đầu suy nghĩ về những sự thay đổi của con người.

BỐC MỘ

*Cúi xin Thượng Đế nhiệm màu
Cứu cho nhân loại khỏi sầu chia ly...*

T. N. V.

*Người ta vẫn bảo là có linh hồn,
con cũng muốn tin như thế.
Vậy con cầu khẩn linh hồn mẹ
hãy ở gần con trong lúc con viết
những dòng dưới đây. Và phải
chăng chính ngay con cũng đã là
một phần linh hồn của mẹ.*

N.T.V.

Một ngày vào cuối mùa đông, tiết trời lạnh buốt ; mây toàn một màu xám nhờ nhờ như khói đặc. Lại thêm mịt mịt làm cảnh vật càng mịt mờ, u ám. Cánh đồng làng Giẽ vắng ngắt, chỉ trừ ở một vài thửa ruộng gần làng là thỉnh thoảng còn có bóng người qua lại.

Trên bãi tha ma, ở giữa đồng mấy anh em Phấn mỗi người mặc một chiếc áo dài vải trắng phủ ra ngoài áo len, trên đầu chít dải khăn vải trắng. Họ đứng chụm vào nhau rét run rẩy, lòng hồi hộp nhìn từng nhát cuốc của hai người phu đang lăm lũi đào mộ bà mẹ. Chỉ ít phút nữa thôi, Phấn sẽ lại được thấy lại xác mẹ sau bốn năm trời vùi sâu dưới đất. Lòng Phấn rộn lên. Phấn nhớ đến xác của mẹ Phấn trước khi nhập quan được đặt nằm ngang thẳng trên chiếc sập gỗ gụ, chiếc

sập mà mọi khi Phấn vẫn nằm ngũ cùng với mẹ Phấn. Dưới hai ống quần lĩnh đen thò ra hai bàn chân bé nhỏ của bà có mang tất trắng, hai bàn tay buộc chum sát nhau đặt phía trên bụng. Mình bà mặc chiếc áo nhiễu Tàu mầu gụ, chiếc áo này là áo quý nhất của bà. Trên mặt có phủ một miếng giấy bản trắng. Không hiểu ý nghĩ gì thúc đẩy, nhân lúc cả nhà không ai để ý Phấn đã leo lên cạnh xác mẹ. Rồi Phấn mở giấy phủ mặt của mẹ ra nhìn lại lần cuối cùng thật kỹ càng, để ghi nhớ từng nét trên mặt bà. Vì bà chết bất thình lình sau có mấy tiếng đồng hồ nên toàn diện ít có sự thay đổi. Tuy vậy dưới ánh sáng bập bùng của cặp nến thấp trên đầu giường hòa lẫn với ánh sáng bóng đèn điện nhỏ, Phấn thấy rõ từng vết phấn thoa không đều trên mặt bà, vết phấn mà bà cô của Phấn theo tục lệ đã thoa vội cho mẹ Phấn khi bà hấp

hối ; hai làn môi mím chặt đỏ choé màu sấp bôi nham nhở và hai gò má đậm bết phấn hồng, nhưng vẫn không che được màu xám nhợt nhạt của màu da thật ở trong. Và lạ nhất là hai con mắt, không hẳn gọi được là mở hé, nhưng cũng không thật nhắm khít lại như những lúc bà ngủ. Tất cả nét mặt bà lúc ấy đã có một cái gì làm Phấn cảm thấy như xa lạ. Nhưng đúng đây là mặt của mẹ Phấn thật. Vừa tối hôm trước, sau bữa cơm chiều mẹ Phấn còn ngồi với bà cô của Phấn ở chính ngay trên chiếc sập này để bàn với cô Phấn về việc bốc mộ cho ông ngoại Phấn. Và lúc đó Phấn đã xà vào ngồi cạnh mẹ, để vòì mẹ Phấn dóc mía cho Phấn ăn. Chính đôi mắt kia đã lườm yêu Phấn lúc Phấn cứ nằng nặc đòi dao để tiện mía lấy, và mẹ Phấn không đưa vì sợ Phấn đứt tay. Lại đôi môi kia nữa, đôi môi đó thường ngoạm nhẹ lên hai má

Phấn để tỏ lòng yêu thương vô hạn của bà, Nhưng sao bây giờ vẫn trên mặt thân yêu ấy Phấn lại thấy như không phải mặt của mẹ mình nữa. Cảm tưởng này làm Phấn xót thương mẹ vô cùng. Phấn bỗng nằm phục xuống bên xác mẹ. Giây phút đó thật là khác thường. Phấn cảm thấy trí óc trong lắng hẩn đi, mọi ý nghĩ tập trung cả lại để tận hưởng cái phút còn được nằm bên xác mẹ. Nhưng Phấn vẫn nghe tiếng trống ngực mình đập thành thịch, đều đều như hòa nhịp với thời gian. Phấn nín từng hơi thở, tưởng như nín được cả thời gian đi chậm theo cùng hơi thở của mình.

Thoạt đầu Phấn ngửi thấy mùi băng phiến lẫn với mùi da thịt ở chiếc áo nhiều Tàu mặc trên xác mẹ. Rồi từ ở xác bà lại toát ra một, hơi lạnh ngăn ngắt. Hơi lạnh nhanh như một luồng điện truyền trong

cảm giác của Phấn. Phấn bỗng thấy rõ rệt là mẹ mình đã xa cách mình vô cùng. Và Phấn sợ hãi khi nhận thấy cảm giác xa cách ấy. Thốt nhiên Phấn úp hẳn mặt vào nách mẹ để hít vội vàng mùi băng phiến đầm ấm ở chiếc áo của bà. Vì tất cả chỉ còn có mùi hơi áo của bà là gần với sự sống hơn cả. Nhưng lúc ấy Phấn bị mọi người lôi dậy. Có tiếng cần nhấn ghê sợ cho sự táo bạo của Phấn ; nhưng nào Phấn có thấy mình làm gì khác thường đâu...

*

Từ bấy đến nay mỗi lúc nhớ mẹ, Phấn thường đem cái lược có dính tóc rối của mẹ ra áp lên má mình. Nguyên sau hôm đưa đám mẹ, Phấn quét dọn nhà cửa đã nhặt được mảnh lược gãy

của mẹ đánh rơi ở gầm sập, Phấn thối sạch bụi bám vào chiếc lược, nhưng vẫn giữ nguyên mấy sợi tóc dính trên răng lược rồi đem cất đi cùng với mấy mớ tóc rối khác của mẹ mà Phấn đã tìm được ở khe cửa, vì lúc sống mỗi khi chải đầu bà thường gỡ răng lược ra những sợi tóc rối cuốn gọn rất vào khe cửa, để phòng lúc trong nhà có ai bị cảm thì đem tóc nấu với gừng rượu đánh gió cho người cảm mau khỏi. Phấn còn giữ nhiều thứ lật vặt khác của mẹ. Từ đôi guốc đã vệt gót, cho tới hộp phấn, thoi son cũ. Nhưng Phấn vẫn quý nhất có mớ tóc rối và chiếc lược gãy có dính mấy sợi tóc. Vì Phấn nghĩ rằng những sợi tóc ấy mới chính thật là của bà, cũng như da như thịt bà vậy..

✱

Trời đã ngả về chiều, mỗi lúc càng trở lên rét buốt hơn. Gió bắc hun hút thổi từng cơn lạnh như xé da thịt. Hai người phu vẫn lầm lũi đào đất không nói với nhau một lời. Đất đã đào được khá nhiều, dễ gần tới quan tài rồi ! Đất rẻo quánh như thịt tươi đậm dã. Màu nâu hồng như pha sắc máu, Phấn cúi xuống nhặt miếng đất lên tay. Miếng đất này đã ủ ấp xác mẹ Phấn luôn bốn năm trời. Và chắc chắn xác thịt của bà đã pha trộn vào đây. Kia rồi ! Nắp ván thiên đã lộ ra. Hai người phu bỏ cuốc đi, họ lấy tay và thuổng xúc hết đất còn lại trên mặt áo quan.

Lúc này Phấn đứng sát bên cạnh người anh, bàn tay cố túm chặt lấy cánh tay anh. Hai mắt mở thao láo nhìn hai người phu đang dùng thuổng để cạy nắp ván thiên. Nắp ván thiên đã được

vút lên bờ. Trong áo quan đầy nước, xác của mẹ Phần hiện ra lập lờ. Vành khăn nhung đen ngày trước vẫn lẫn mớ tóc mây mềm óng ở trong nay nổi lênh bênh ở phía đầu hòm. Hai ống quần lĩnh nổi phên lên rất rõ ràng. Khúc giữa hình chiếc áo dài ẩn hiện dưới mặt nước. Sau khi uống một hơi cạn ly rượu do ông chú của Phần rót mời, hai người phu hăng hái cúi xuống xục tay vào lòng áo quan. Mặt nước bị xáo động. Trong giây phút tất cả hình những quần áo của mẹ Phần nổi lập lờ hồi nãy giờ tan đi rất nhanh. Hai người phu ra sức múc nước ở trong áo quan đổ ra ngoài. Trong khi ông chú và anh của Phần sửa soạn đổ nước ngũ vị hương ra hai cái chậu sành con để lát nữa rửa cốt. Bà cô và chị của Phần thì sửa soạn đồ cúng. Họ bày xôi gà ngay bên mặt đất cạnh mộ.

Và khó khăn lắm mới thắp nổi nén hương, vì trời vẫn mưa và gió.

Nước trong áo quan đã cạn, hai người phu đứng hẳn vào trong nhật từng lóng xương của mẹ Phấn truyền lên cho ông chú và anh Phấn. Hai người đỡ lấy rồi đem rửa vào trong chậu nước ngũ vị hương. Phấn dành để rửa chiếc đầu lâu của mẹ. Phấn cẩn trọng bưng chiếc xương đầu mẹ, cọ rửa kỹ càng từng chút. Lúc cho ngón tay vào rửa trong hai hố mắt sâu hoắm của mẹ thì Phấn không thể giữ được sự truyền cảm rất đau đớn. Qua màng nước mắt Phấn thấy như từ ở hai hố mắt đang hiện lên đôi mắt đẹp dịu hiền của mẹ Phấn xưa kia. Ngày ấy mỗi khi các anh chị hoặc Phấn có phạm lỗi gì hay, làm một điều gì khiến mẹ được vui vẻ, thì cứ nhìn vào hai mắt mẹ là đủ rõ được tất cả sự thương yêu hay buồn giận

của bà đến độ nào. Có những buổi trưa hè, Phấn nằm nghỉ cùng các anh chị trên một tấm phản, nhưng Phấn còn chưa ngủ được vì nóng bức quá. Mẹ Phấn từ nhà ngoài nhè nhẹ đi vào, bà dừng lại bên phản nhìn các con, miệng bà mủm mỉm, ánh mắt long lanh tỏa ra những tia nhìn rất dịu dàng âu yếm, làm Phấn cảm thấy rõ ràng mình đang được tắm trong tình thương vô biên của mẹ, Phấn thấy người lâng lâng nhẹ nhàng một cách dễ chịu vô cùng. Một ánh nắng xiên qua mé đầu cánh cửa sổ khép chưa kín chiếu chệch trên người mấy anh em. Phấn nằm đấy nhưng cũng đoán bên ngoài nắng đang gắt lắm thì phải. Tiếng rao của hàng tào phớ nổi bật lên trong không khí yên tĩnh rồi lắng dần vào trong giấc ngủ êm đềm của Phấn.

Ngày mất mẹ đã bốn năm nay nhưng

tất cả những tình cảm mà Phấn đã được hưởng, Phấn vẫn còn giữ nguyên vẹn.

Tay Phấn bỗng đụng vào một chất gì bầy nhầy ở trong hốc mắt của mẹ. Hình như đấy là chất óc hay thịt chưa tan hết còn đọng lại. Phấn rùng mình cắn chặt răng đưa mạnh tay rửa moi cho sạch những chất ấy cố làm cho xương mẹ được sạch sẽ. Phấn chưa xót nghĩ rằng mình đang nắm trong tay tất cả phần xương đầu mẹ. Nhưng không thể tìm thấy ở đấy một ánh mắt, một ý nghĩ của mẹ nữa, Như thế phần thể xác của mỗi con người thật không đáng kể. Ai cũng sẽ phải chết và rồi thịt sẽ ruỗng ra. Xương thì còn những vô tri giác. Lúc này Phấn nhận rõ ý nghĩa câu nói : Con người ta chỉ có phần linh hồn mới quý. Nhưng linh hồn con người sau khi chết thì ở đâu. Phấn muốn tìm được sự hiển linh

của hồn mẹ, vì nếu Phấn biết rõ được rằng linh hồn mẹ vẫn còn trong cõi sống này thì Phấn sẽ bớt được sự thương nhớ mẹ trong lòng nhiều lắm. Phấn đã rửa xong chiếc xương đầu, và Phấn tiếp tục phụ với chú và các anh chị rửa tiếp từng khúc xương khác, nhưng Phấn vẫn khổ sở vì biết rõ rằng linh hồn của mẹ thật không còn liên quan gì đến những khúc xương vô tri của bà nữa.

Chị Hương của Phấn vừa nhặt được mấy đồng tiền xu đồng vừa hào bạc từ ở đáy áo quan. Đây là mấy đồng tiền mà ngay sau khi mẹ Phấn chết người ta đã cậy miệng đem bỏ vào để cầu cho người chết được linh thiêng. Phấn thấy Hương mắt đỏ hoe đang nhìn trù mẩn mấy đồng tiền trên tay ; một lát, Hương đem rửa sạch rồi bỏ vào túi áo trong. Phấn biết chị muốn giữ để làm kỷ niệm, cũng

như Phấn đã giữ từ mảnh lược, sợi tóc của mẹ. Nhưng bây giờ thì ngoài những vật vô tri ấy, Phấn còn muốn tìm đến linh hồn mẹ.

Tất cả xương của mẹ Phấn đã được rửa sạch sẽ và xếp gọn trong lòng chiếc tiểu sành nho nhỏ. Chiếc huyết cũ đã lấp kín trở lại, chiếc tiểu đựng xương đã hạ xuống một chiếc huyết mới đào ở trên khu đất khác. Và chỉ một lát sau, đất đã đắp kín trên nấm mộ mới.

Trong lúc mọi người sửa soạn ra về thì Phấn vẫn đứng yên nhìn chiếc mộ mới của mẹ. Rồi bỗng nhiên nàng bật khóc lên rưng rức. Chung quanh Phấn, những tiếng nấc nở của bà cô và các chị Phấn mỗi lúc một mỗi to hơn lên. Một bàn tay nhẹ nhàng đặt lên vai Phấn, không ngừng lên nhưng Phấn biết đấy là chị Hương, Phấn nghẹn ngào nói:

– Thôi, thế là mất mẹ hẳn rồi.

Chị Hương không trả lời câu nói của Phấn, nhưng chị bảo Phấn :

– Về thôi Phấn ạ. Trời về chiều lạnh quá.

Giọng Hương nói nhẹ nhẹ và buồn thoảng trong hơi gió khiến Phấn tưởng như những tiếng nói quen thuộc ấy tự ở đâu vẳng tới. Đúng lúc ấy, một cơn gió chột nổi ; nắm hương đang cháy dở trên mộ mẹ Phấn vụt lóe rực lên. Phấn ngược mắt nhìn chị. Sao lúc này Phấn thấy đôi mắt Hương giống đôi mắt của mẹ quá. Cũng những tia nhìn yêu mến, cả giọng nói nhẹ nhẹ thoảng trong hơi gió vừa rồi thật đúng là những cái nhìn và giọng nói của mẹ xưa kia. Phấn bàng hoàng cả người vì vừa cảm thấy linh hồn mẹ như

phảng phất lẫn trong tiếng mưa, tiếng gió.
như sống trong người mấy chị em.

BỨC MÌNH

Suốt đêm qua, hể Khuê cử nhấm mắt chợp ngủ một cái là con anh lại khóc ré lên làm anh mất cả ngủ, mặc dầu vợ anh đã phải cố sức dỗ mà nó vẫn không chịu nín. Khuê còn như nghe vẳng bên tai nhờ vợ anh se sẽ nói lẫn trong tiếng khóc của con anh :

– Tội nghiệp con tôi, đói đây mà! Mấy hôm nay mẹ mệt nên không đủ sữa cho con bú, Thôi để mai xin tiền Ba mua sữa bò cho con ăn thêm vậy.

Khuê nghe vợ than khéo với anh như

vậy, giá lúc khác chắc anh cảm động lắm, nhưng có lẽ vào đúng giữa lúc anh mất ngủ nên thành ra anh bức tức. Anh nằm trong chăn nói một câu mà đáng lẽ anh không nên nói :

– Sữa cái con khỉ ! Mười tám đồng một hộp, đào đâu ra tiền mà mua ! Thôi yên cho người ta ngủ !

Nhưng nào anh có ngủ được nữa. Nói rút lời, anh thấy bức tức với chính mình, anh tự thấy mình đối với vợ tàn nhẫn và vô lý quá. Anh muốn tìm một lời tử tế nói làm lành với vợ, nhưng anh thấy thực khó khăn, vì vậy anh cứ nằm mà thở dài. Những tiếng thở dài của anh làm vợ anh càng thêm sợ hơn.

Trong ánh sáng lơ mờ của ngọn đèn nhỏ bóng đã được che thêm một lần giấy nữa, vợ anh ẵm con như một cái bóng đi

đi lại giữa căn gác hẹp kê lủng cùng những đồ đạc.

Mỗi lần con anh khóc ré lên, vợ anh lại vội vàng ôm chặt lấy nó, như muốn ôm lấy tất cả tiếng khóc của nó, không muốn vang ra ngoài.

Giọng chị nói nhỏ nhỏ đầy nước mắt :

– Thôi, mẹ van, mẹ van !

Cứ như thế cho đến gần sáng, vợ anh mới được đặt mình nằm với con anh ở giường bên.

Đứa bé đã thôi không khóc. Sự im lặng trở lại nặng nề. Người Khuê mệt mỏi, mắt nặng, đầu rức nhưng rồi anh cũng ngủ thiếp đi. Giường bên kia có tiếng trở mình rất khẽ của vợ anh.

Sáng nay, lúc mở mắt thấy đã tám giờ kém hai mươi, Khuê cuống cuống bước xuống giường anh phải tìm mãi mới thấy đôi guốc ; thì ra vợ anh dậy sớm quét nhà đã đem để gọn vào gầm giường.

Anh nói như hét lên:

– Dọn mấy dép cái con khỉ ! Có đôi guốc cũng tống vào gầm giường để người ta phải tìm mãi, đã trưa bỏ mẹ, mà sao không gọi người ta dậy sớm để đi làm hử?

Vợ anh vừa đặt nồi cháo trên bàn vừa nói nho nhỏ :

– Thì tưởng để mình ngủ thêm một tí, tại đêm qua...

– Ngủ thêm à ? Có biết mấy giờ rồi không ? Để đến lúc nó tống cổ đi rồi tha hồ mà ngủ !

Vợ anh chỉ im lặng đứng múc cháo ra bát, trong lúc anh rửa mặt và thay quần áo vội vàng.

Còn thiếu mười lăm phút đã phải có mặt ở sở. Anh ra bàn bưng bát cháo vợ anh vừa múc ra, húp đánh súp một cái. Bỗng anh cuống cuống đặt bát cháo xuống, tay bưng chặt lấy miệng đồ mặt, trợn mắt nuốt đánh ực một cái :

– Trời đất ơi ! Bỗng tuột bố nó miệng người ta ra rồi còn gì nữa hở ! Định cho người ta ăn cháo, sao không nấu sớm sớm một chút, múc sẵn cho nó nguội đi, để cho người ta ăn có được không ! Đã vội bỏ mẹ đi thế này, lại cho ăn... cháo nóng, đàn bà gì mà ngu thế, không biết tính toán gì hết !

Rút lời, anh hăm hăm dắt xe đạp xuống thang gác. Cái cửa gác thì hẹp, mà

anh thì lại vội vàng thế nào bị ngay cái bàn đập đập vào ống chân một cái, đau điếng người lên làm anh càng cáu, giờ chân đập vào cái cửa, đánh thình một cái.

Trong lúc đó vợ anh đã đang ngồi trên giường bế con, vì nó vừa tỉnh giấc. Nhìn vào hai mắt đen tròn của con, chị nhếch miệng « tặc ầu » hỏi chuyện thằng bé, cố thản nhiên làm như không biết đến những cử chỉ nặng nề của chồng. Tuy vậy, nước mắt chị vẫn chảy dài trên má, nhỏ xuống cả mặt đứa nhỏ đang toét miệng ra cười với mẹ.

Còn Khuê ra tới đường, trèo lên xe cầm cổ đạp, nhưng anh lại bực mình, vì tới chợ thì vừa gặp lúc đường bị chắn để xe hỏa chạy. Anh hăm hừ một mình, nhưng không làm thế nào khác hơn là phải đợi. Cũng may xe hỏa chạy qua ngay.

Những cây gỗ ngăn đường vừa nhấc lên, mọi người ào qua. Khuê nhảy phóc lên xe, cúi mình đạp.

Khi Khuê tới ngã tư bỗng một đoàn xe cam nhông nhà binh đang từ mạn trên kéo tới.

– Chết cha ! Lại còn đoàn xe thổ tả này nữa !

Khuê nói rồi không kịp nghĩ ngợi gì hơn, mắt môi dần mạnh. Nhưng bỗng một chiếc xe nhà binh xiết mạnh thắng kêu kin kít. Xe của Khuê loạn choạng trước mũi chiếc xe này. Anh toát mồ hôi, bỏ hơi tai, trống ngực đập thình thịch. Anh cố lấy lại can đảm, sửa chiếc xe đạp của anh cho ngay ngắn, rồi lại trèo lên đạp, tuy đầu gối anh còn run lên bần bật.

“Chẳng nhẽ làm thế nào ? Ngắt ra

đây à ? Mà giá ngắt ngay đi lúc bấy giờ lại xong, khỏi phải tới sở làm sáng nay ; xếp cũng chẳng cự được. Chết ra đấy thì thôi chứ gì !” Nghĩ đến chết, Khuê thấy lạnh toát xương sống, ghê quá, ghê quá ! Thôi không nghĩ đại, hú vía !

Khuê đến sở trưa mười phút. Các bạn đồng sự đã dẫu ngồi đấy và đang làm việc cả rồi. Lúc anh bước vào phòng, mọi người đều ngước cả mắt lên nhìn anh. Anh ngượng nóng cả mặt. Được cái may là ông chủ sự không có mặt tại đấy nên anh cũng yên tâm một chút. Anh đi rất khẽ tới chỗ ngồi của anh và giở công việc ra bắt đầu làm. Trông anh có vẻ bình thường như ai, nhưng thực ra anh vẫn chưa hết hồi hộp, lo sợ và tức giận. Những chữ số trước mắt anh cứ như nháy lung tung cả lên. Anh nhắm nhắm cọng mãi mới xong, thử lại thấy đúng,

nhưng chưa chắc dạ, anh làm lại lần nữa lại thấy sai thành thử anh phải cộng đi cộng lại tới ba bốn lượt mà không xong một cái tính. Anh phát hoa mắt và cảm thấy như óc ở trong đầu anh đương chảy lộng ra. Người anh bứt rứt khó chịu. Giá ở nhà thì anh đã cáu hằn lên với vợ một trận, thật hả biết chừng nào, nhưng ở đây lại là ở sở. Rất có thể lát nữa anh còn bị ông chủ sự gắt cho một trận.

Tính lại sai nữa. Khuê cáu quá : “Tính chó gì mà tràng thiên đại hải thế này ! Cứ gọi là về sau truyền đời cho con cháu làm gì thì làm chứ đừng có làm cái nghề thư ký kế toán này mà khổ !”

Nhà anh vốn có mả hay cáu mà. Ngày xưa ông cụ thân sinh ra anh cũng làm cái nghề này mà cũng hay cáu ra phết, nay lại tới anh. Nhưng lúc cáu thì anh nói thế thôi, chứ với tài sức anh ở vào thời buổi

này tìm được công việc này cũng đã là phúc lắm rồi.

Bỗng ông chủ sự cho người mời anh. Mới đi tới gần cửa phòng của ông chủ sự, anh đã nghe thấy tiếng ông đang găt ở bên trong. Anh hồi hộp bước vào.

Vừa thoát thấy anh, ông chủ sự đã đập bàn, chỉ một tập sổ, và găt :

– Anh làm với ăn như thế này liệu có xứng đáng với đồng lương anh đã lĩnh không ? Thế mà vẫn còn đòi tăng lương cơ đấy ! Dem ra mà tính lại đi !

Khuê tái mặt, lẳng lặng vác tập sổ đi ra. Bước chân anh cơ hồ muốn run lên vì tức ; ngoài mặt anh cố làm ra vẻ bình thản, nhưng trong lòng thầm nghĩ : “Chó gì ! Ai mà chẳng có lúc sơ xuất nhầm lẫn, có thể mà cũng nhắng lên, rõ lên mặt

ông xếp, thay mặt ông chủ ! Ấy dà, thôi mình cứ cố làm ít năm cho quen công quen việc, đến lúc gặp thời thế cũng ra buôn bán làm chủ, làm xếp như ai chứ đểch gì !”

Sau bao nhiêu truyện bực mình suốt từ đêm qua liên tiếp xảy ra cho đến bây giờ tan sở ra, Khuê không cáu nữa, mà chỉ thấy mệt và buồn. Tri anh dụ lại, anh từ từ đạp xe về nhà. Nghĩ đến vợ con anh thương lạ. Anh tự nhiên chợt nhớ đến câu nói sáng ngày :

– Sữa cái con khỉ. Mười tám đồng một hộp...

Lúc qua hiệu tạp hóa, anh dừng xe vào mua một hộp sữa cho con. Nghĩ đến chốc nữa về tới nhà, anh đưa hộp sữa cho vợ, chắc vợ anh ngạc nhiên lắm. Lòng anh tự dưng thấy vui vui.

XÓM NGHÈO

Tuấn ở trong xóm B. C. đã lâu nên anh rất quen thuộc với các truyện vụn vặt trong xóm. Cả đến sự ồn ào cũng có lệ : cứ sáng sớm, rồi đến buổi trưa và buổi tối là trong xóm nổi lên một sự ồn ào, hỗn độn, nào tiếng máy hát rên rĩ ca hết bài vọng cổ này đến bài vọng cổ khác ; nào tiếng ra-dô ngân dài các điệu ca cải cách, nào tiếng trẻ con chơi hét rầm rĩ, đánh nhau chí choé ; và giọng ru con ngân dài dài trong tiếng khóc xa xả của trẻ sơ sinh. Người lớn cười nói, cãi nhau, chửi nhau, xen lẫn những tiếng

bát đĩa khua lạch cạch. Trên trời thì máy bay vù vù ngoài lộ thì xe chạy rầm rập, còi ô-tô liên tiếp thả những hơi dài nhức óc. Chao ôi ! Còn bao nhiêu những tiếng động khác nữa, hơi nào mà kể cho hết được.

Phải mất một dạo Tuấn lấy làm khó chịu bức dọc lắm ; đến bây giờ cũng không gọi được là đã hết khó chịu. Nhưng làm thế nào ?

Một lần đã lâu rồi, sau bữa cơm trưa anh tính nằm ngủ một chút, nhưng tiếng máy hát ở nhà thầy “Ký thuốc tây” bên trước cửa cứ toang toảng mở những bài ca vọng cổ than mây khóc gió mãi, đến là nhức đầu, sốt ruột ! Mới đầu anh cố nhịn, nằm nhắm chặt mắt lại thầm an ủi : “Chắc họ mở nốt bài này tắt máy chứ gì !” Nhưng bài này hết rồi lại bài khác nữa, cứ thế tiếp tục mãi ; mà tới bài nào

anh cũng thâm nhủ lại : “Chắc hết bài này họ thôi. Hàng xóm láng giềng với nhau cố nhịn một tí cho khỏi mất lòng.” Nhưng mãi cũng không thấy thôi, anh bức tức quá. Lại thêm ánh nắng chói lọi nóng như lửa hun trên mái tôn làm cho trong nhà nóng cứ hầm hập như một lò than Nhiệt độ trong người anh tăng mãnh liệt, mồ hôi chảy thành dòng khắp người, anh cầm cái quạt, quạt phành phạch, mắt càng nhắm nghiền, cố quên cái tiếng kèn hát phải gió kia đi, cầu một giấc ngủ giải thoát, nhưng nào có được.

“Chao ôi ! Nóng ời là nóng, bức ời là bức ! » Anh vùng đứng lên, thò đầu ra ngoài cái cửa sổ bé tí xiu, hét vọng sang nhà thầy Ký trước cửa, cách nhà anh một con đường rộng hơn một thước :

– Các ông các bà có làm ơn tắt dùm cái máy hát đi cho tôi nhờ một chút

không ! Ai đòi đang giữa trưa mà không giữ yên tĩnh. Cũng phải cho hàng xóm láng giềng nghỉ ngơi một tí chứ !

Hét xong anh lại nằm vật xuống, nhắm mắt sẵn để chờ kết quả lời nói của mình ; nhưng tiếng máy hát vẫn không ngừng, anh lại còn nghe thấy tiếng vợ chồng nhà ấy xì xào gì về anh, rồi lại cười khúc khích như chế nhạo anh nữa.

– Tức chết được! Tức chết được ! Đến đánh nhau thì đánh chứ thế này nhịn sao được !

Anh hăm hăm đứng phắt lên, nhưng không phải để chạy sang nhà thầy Ký, mà là chạy vào trong sà nỏ quần áo, múc mấy gáo nước dội ào ào suốt từ đầu đến chân. Được mấy gáo nước, người anh dịu lại. Anh nhìn ít nước còn lại trong lu chợt nghĩ đến sự di lấy nước vất vả của

vợ anh. Hôm nào vợ anh cũng phải thức tới mười một mười hai giờ đêm mới tranh được hai gánh nước. Một hôm bảo vợ đi ngủ sớm để chờ tới một, hai giờ đêm dậy gánh, ấy thế mà máy nước vào giờ đó vẫn cứ còn đông quá đi thôi. Thì ra ở cái xóm nghèo này người ta gánh nước suốt đêm, ngày lại làm việc suốt ngày hay sao ?

Từ hôm đó trở đi, anh thành ra ghét vợ chồng thầy ký ở trước cửa quá. Mấy lần anh đem truyện cái máy hát ra phàn nàn với anh Hai Xích lô kể bên, và thím Xẩm bán mỳ đầu xóm, cả cô Hai vợ tây và bà Trà Huế gần đây nữa, nhưng người nào cũng chỉ cười mà không tỏ thái độ gì. Hình như họ quá quen thuộc với những tiếng ấy, hay họ lại thích mà không thấy khó chịu cũng nên. Từ đó anh thấy mình lạc lõng, gần như cô độc, anh cố tập

nhìn. Thế rồi cách một dạo, đôi khi rồi rồi buồn buồn, người ta cũng thấy anh ngâm nga vài câu vọng cổ ghi trong đĩa hát nhà thầy Ký mà anh đã nghe thuộc lúc nào không biết. Bây giờ, giá có ai phàn nàn với anh những truyện anh đã phàn nàn khi xưa, chắc anh lại chỉ cười...

Ở trong xóm này, cứ chiều đến, sau bữa cơm, người ta thường hay ra đứng ngoài cửa hóng mát, xĩa răng, và đem những truyện đã xảy ra trong xóm kể lại cho nhau nghe không sót một truyện gì. Thí dụ như truyện vợ chồng anh Sáu thợ mộc nửa đêm qua đánh nhau rầm rĩ cả lên, chỉ vì người vợ đã đem cầm cái áo dài lụa độc nhất của chị ta đi lấy sáu mươi đồng ăn nem nướng hết nhẵn.

Lại truyện cô Tư Chà-và bị chồng tát cho mấy cái nên thân, vì chị ta đánh bạc bị chồng về bắt thành linh bắt gặp.

Rồi truyện thằng con chị Hai gánh nước thuê tự nhiên bụng cứ trương to lên, rồi hôm qua bỗng xổ ra một đồng giun thật lớn. Giun bỏ cả ra đàng miệng, mũi và lỗ tai, thế rồi thằng bé lăn ra bất tỉnh. Người ta đã xe nó vào nhà thương làm phúc, không biết có cứu được không. Người ta đang kể bỗng ra hiệu cho nhau im đi vì chị Hai đang gánh nước từ ngoài ngõ vào. Người ta thấy chị giơ tay quệt ngang mắt. Lúc chị đi qua, người ta hỏi thăm thằng bé, chị đáp chưa biết ra sao, vì chưa tới giờ vào thăm. Người ta nhìn theo chị thở dài.

Cứ những chuyện lật vật như thế ở trong xóm này ngày nào cũng xảy ra, không truyện nọ thì truyện kia.

Dạo đầu, ngày nào Tuấn cũng bàn với vợ, tính dọn nhà đi ở nơi khác, nhưng ngày nọ nối tiếp ngày kia, vợ chồng anh

không thể tìm được nơi nào hơn, mà lại hợp với túi tiền của mình, và đã lâu rồi câu truyện đổi chỗ ở không thấy nhắc tới nữa.

Gần đây đồng bào Bắc di cư vào mỗi ngày một nhiều, đến nỗi cái xóm nghèo của anh phải xáo trộn cả lên, vì nhà cho thuê được giá. Thầy ký thuốc Tây đã thu gọn đồ đạc ở dồn vào một bên nhà, còn một bên kẻ được độ hai cái giường đã thấy cho một gia đình tản cư thuê. Rồi anh Hai xích lô cũng dọn đi để bán lại nhà cho chủ mới. Nhiều nhà khéo tính ; mua họ non, họ già về cất thêm một tầng gác gỗ lợp xúp để cho thuê.

Trong xóm lại thêm lên nhiều truyện vui buồn, phức tạp, hỗn loạn mới, và Tuấn, tối đến, cũng lại có một câu truyện mới để thở than với vợ.

Chao ôi ! Cái xóm nghèo này sao cứ
mỗi ngày một đông thêm mãi !

GIÀ BỐN

Trâm đang ngồi đọc báo thì Phương chị nàng vào. Chưa kịp ngồi Phương đã nói :

– Này, hôm qua già Bốn ra đấy.

Trâm buông tờ báo, sững sốt hỏi :

– Ai ? Già Bốn ra à ?

– Ừ, bây giờ bà cụ lòi thôi, lẫn thển lẫn cơ.

Trâm như không nghe thấy câu chị

vừa nói, nàng lẩm bẩm nhắc như hỏi lại:

– Bây giờ ở nhà quê đã ra đây được rồi nhỉ.

– Cái gì, người ta đã đi lại nằm nấp như đi chợ ấy rồi lại còn. Độ năm ngoái khi cô còn ở Saigon, sự đi lại từ quê ra ngoài này còn phải lẩn trốn khó khăn mà già Bốn cũng đã ra rồi. Mới trông thấy bà cụ, tôi nghen ngào tưởng như gặp ở trong mộng. Tôi giữ bà cụ ở lại với tôi mấy hôm. Tôi làm bữa nem thết cụ, sáng ra thì lại vài lạng cốm non điểm tâm ; hồi ấy lại đang mùa chim ngói, tôi cũng mua hăm để cụ soi, chẳng thiếu vị gì, ấy thế mà... Phương nhỏ giọng, ai lại bà cụ lẩn thẩn ngẩn ngơ lẩm cẩm ; suốt ngày cứ kể hết chuyện con trai lại đến chuyện con gái. Nào thằng Tâm chết, nào con Hiền chết... Nước mắt thì cứ giọt ngấn, giọt dài trông đến thấm. Mới đầu nhà tôi còn

nghe, về sau anh ấy cũng sinh chán tai. Ấy thế mà lúc ra về, bà cụ lại còn vơ vét cả từ cái bao tải rách để đem về cho con dâu, làm tôi ngượng mặt với nhà tôi quá. Làm như thế người ta khinh cho ấy chứ lại.

Trâm lơ đãng nghe. Phương nói rút lời mà Trâm vẫn yên lặng. Những kỷ niệm hồi xưa đang trở lại trong óc Trâm,

Già Bốn là chị ruột mẹ nàng. Già lấy chồng nghèo ở nhà quê và sinh được bốn người con là anh Tâm và anh Tính. Hai người này đã được mẹ Trâm nuôi cho ở Hà Nội để học nghề thợ nguội. Còn lại hai người con gái suýt soát bằng tuổi Trâm ở nhà quê với già, người lớn tên là Hiền, người bé là Hậu.

Hồi ấy, Trâm mới độ mười hai, mười ba, Được mẹ cho về nghỉ hè ở nhà quê,

Trâm ở với bác ruột nàng. Bác Trâm hồi ấy đương làm lý trưởng. Người bác cũng giàu, có nhà ngói, cây mít, sân gạch rộng thênh thang, thóc lúa chứa đầy mấy căn nhà ngang. Trâm được bác chiều chuộng lắm. Bữa cơm nào cũng cá thịt đầy mâm. Hoa quả ngoài vườn, Trâm tha hồ hái ăn mà không hề phải mắng. Trâm biết dưới già Bốn và trên bác vẫn có sự xích mích nguyên do chỉ vì nhà Trâm giàu có. Mỗi lần ba mẹ Trâm về đều ở nhà bác vì bác là họ nội, lại là nhà trưởng. Nhưng một đôi khi, già cũng có làm cơm mời thầy mẹ Trâm xuống ăn. Thấy thế bác Trâm cho là già cầu cạnh, nịnh hót để kiếm lợi. Già Bốn muốn tránh tiếng ấy nên ít vốn vả tuy già rất thân mến em và yêu các cháu.

Những ngày ở nhà quê, Trâm vẫn thích xuống chơi dưới già Bốn, Trâm yêu

mến già và chị Hiền, chị Hậu lắm. Gia đình già sống trong một nhà tranh cũ kỹ, ở một ngõ vắng. Hai bên đầu ngõ đều là vườn hoang của nhà ai. Họ trồng hàng rào găng tây và từ bi ; vì lâu ngày không ai tỉa nên hai bên hàng rào cây mọc rậm, ngọn nối liền vào nhau trông như một cái cổng tò vò ken bằng lá. Ở đầu ngõ đi vào mấy bước có cây ổi rất lớn. Cây ổi này quả thì ngon, nhưng cả làng đều đồn là lắm ma. Mỗi bận, dù là giữa ban ngày, đi qua đây, Trâm cũng rợn tóc gáy, trống ngực nổi thành thạch, hai chân cứ riu lại. Nhưng rồi Trâm cũng cố lấy hết can đảm để chạy vào nhà già. Gần đến nơi, Trâm vừa thở vira gọi chị Hiền chị Hậu rồi rít cả lên. Bao giờ Trâm cũng được các chị chạy ra đón. Thấy Trâm sợ, Hiền, Hậu cười vang cả ngõ. Cũng có bận, Trâm đến ngõ gặp người vào, Trâm theo liền cùng với họ. Tới gần nhà Bốn, Trâm đẩy

cửa vào bất thành lĩnh để tỏ như mình can đảm lắm, dám đi qua cây ổi mà không sợ.

Bác Bốn, chồng của già, trừ những buổi rượu ra thì tính nết ông hiền lành. Suốt ngày ông tần mẩn, hoặc sửa lại cái bờ rào, hoặc chẻ lạt cặp lại mấy cái rổ rách. Nhiều hôm gặp bữa, Trâm ăn cơm luôn với già. Cơm thường chẳng có gì ngoài món rau luộc và đĩa tép vụn kho tương. Chị Hiền, chị Hậu thấy Trâm cùng ăn thì vui lắm. Nhưng già Bốn thì vẫn giữ nguyên nét mặt rầu rầu và khe khẽ bảo:

– Cháu ăn ở dưới này rồi trên bác lại nói.

Bác Bốn vừa nhấp một chút rượu vừa nói :

– Bà rõ thật. Trẻ nó gặp đâu ăn đấy cho vui. Ai nói thì mặc ai, mình cứ biết mình, sợ cái gì.

Rồi ông bảo Trâm :

– Ngồi xuống ăn đi cháu. Nhà bác chỉ có tép kho tương nhưng già làm khéo cũng ngon chán.

Trâm vừa ăn vừa thuật lại cho già nghe :

– Hôm nọ Trâm cũng ăn ở dưới này xong, lúc về trên bác đang ăn cơm và Trâm nghe tiếng bác nói : «Cứ ăn đi, không phải phân, chắc nó lại ăn ở dưới già nó rồi chứ gì. Dưới ấy chả lắm gạo mà, đầy buồng thóc ra đấy. »

Nói đến đây, Trâm ngừng ngay lại. Trâm vừa nhận thấy trên mặt già có nét đau khổ lắm. Già lại khẽ thở dài rồi đáp,

vẫn một giọng rầu rầu :

– Già thì nghèo, cả làng ai chẳng biết. Bao giờ mà già có lấy đi một buồng thóc, buồng trấu thì có.

Già nói thế vì nhà già vẫn làm gạo bán nên có nhiều trấu.

Bác Bốn nói như hơi gắt với vợ :

– Ô hay, thì đã sao ? Người ta mong cho mình như thế thì đã sao ? Ừ, thì đã sao ?

Rút lời, ông ngửa mặt cười khà khà rồi cầm ly rượu tợp một ngụm. Uống xong, ông đặt mạnh ly xuống mâm. Trâm thấy hối hận vì mình đã mang câu chuyện buồn vào bữa ăn. Nhưng hai chị Hiền, Hậu thì như không biết chuyện gì, vẫn cứ vừa ăn vừa cười đùa vui vẻ.

Xong bữa Hiên, Hậu rủ Trâm vào buông trấu. Mấy chị em lấy chiếu trải lên trên mặt trấu rồi chơi nhào lộn rồi hò hét âm ỹ.

Gần đến tối, già Bốn giục Trâm về. Trâm cũng không về. Trên nhà, bác lại cho chị Năm xuống đón. Trâm lấy có sợ cây ổi đầu ngõ, không chịu đi, đòi ngủ lại dưới già. Chị Năm chiều Trâm đành ra về một mình.

Bác Bốn say rượu nên đi ngủ sớm. Trời sáng trắng vàng vạc ; già Bốn lấy chiếu trải trên sân ngồi chơi. Mấy chị em quây chung quanh bắt già kể chuyện cổ tích. Trâm nũng nịu nằm vào lòng già. Một tay già sẽ sẽ xoa trên lưng Trâm ; một tay quàng lên lưng chị Hậu ; chị Hiên tựa đầu bên lưng già. Nhân có trăng sáng, già bèn kể truyện thằng Cuội vì nó đối với cha và chú nên phải bay lên mặt

trắng cùng với cây đa, rồi ngồi giữ trâu dưới gốc đa trên đó cho tới bây giờ. Già Bốn chỉ tay lên mặt trăng và bảo :

– Kia, cái chỗ đen đen kia là cây đa, và dưới cây đa là thằng Cuội, nó ngồi đấy... đấy...

Trâm xoay người nằm thẳng, đầu gối lên đùi già, mắt theo tay già chỉ nhìn lên mặt trăng tìm thằng Cuội. Cả Hiền, Hậu cũng nhìn lên. Một lát quả nhiên Trâm thấy rõ ràng hình cây đa nổi bật lên giữa hình tròn của mặt trăng, và dưới gốc cây đa quả có một hình người ngồi đội nón.

Càng nhìn, mỗi lúc Trâm càng thấy mình gần mặt trăng hơn. Gió lúc ấy thoát nhẹ, hơi mát thấm dần vào người Trâm như lành lạnh mà lại không phải lạnh. Từ mặt trăng tỏa ra một thứ ánh sáng huyền ảo dị thường. Có lúc Trâm thấy

giống như một thứ lụa rất mỏng đang vương khắp không gian. Có lúc cả bầu trời trong suốt như thủy tinh, Trâm có cảm tưởng như sờ mó vào được. Có lúc lại như khói nhẹ bay tỏa khắp nơi. Trâm thấy người mình nhẹ nhàng, lúc bổng, lúc chìm như đang chơi vơi ở giữa trời. Trâm ôm chặt lấy già và cảm thấy cả hai dì cháu đang từ từ bay lên gần mặt trăng như hồi nào thằng Cuội ôm chặt lấy cây đa mà bay lên cung trăng. Và rồi Trâm ngủ đi lúc nào không biết.

Lại một buổi Trâm đến nhà già đứng vào bữa ăn. Cả nhà có một giá ngô bung để giữa giường. Mỗi người xúc một bát ngồi ăn riêng mỗi nơi. Già Bốn cầm bát ngô ngồi trên bậc cửa ra vào. Già vừa ăn ngô vừa ngó ra sân như có điều gì suy nghĩ, Thấy Trâm vào, già chỉ khẽ hỏi :

– Xuống đây à ? Ăn cơm chưa ?

Trâm vốn thích ngô nên trông thấy vôi reo lên :

– A ngô. Cháu ăn cơm rồi nhưng cháu cũng ăn thêm ngô.

Hậu đặt bát xuống, nhanh nhẹn chạy đi lấy thêm bát đĩa cho Trâm, Hiền đỡ lấy bát xúc ngô vào. Ba chị em lại vừa ăn vừa cười khúc khích. Bác Bốn thì ngồi xếp chân bằng tròn trên tấm ghế ngựa kê ở gian bên, trước mặt có đĩa lạc rang và chai rượu. Còn già Bốn vẫn ngồi yên chỗ cũ, vừa ăn vừa thỉnh thoảng giậm chân, mồm kêu suýt suýt để đuổi đàn gà con đang bới đồng rác giữa sân. Cử chỉ ấy của già như để giấu nỗi vui vì thấy Trâm ăn.

Ăn xong, Hiền, Hậu rủ Trâm ra vườn sau chầy khế chua xuống, xắt mỏng dầm

tương ớt, rồi mấy chị em lại cùng ăn với nhau.

✱

Tôi đã bảo bà cụ ra chơi gấp gì ăn này, đừng có tham lam nhặt nhạnh thế. Còn cháu rể, nó thấy nó khinh cho chú, phải không ?

Tiếng Phương hỏi to kéo Trâm trở về hiện tại. Nàng đã hiểu chị nàng nói gì về người già thân mến. Trâm buồn rầu bảo chị :

– Khinh hay không là ở mình, chị ạ. Người nhà mình dù nghèo, dù rách, nếu mình kính trọng trước thì tự nhiên chồng mình cũng phải kính trọng theo. Chứ người già nua nào mà chẳng có tính lẩn thẩn thế.

Trâm không muốn nhắc lại câu Phương bảo già Bốn tham lam. Trâm vẫn không thể tin được rằng già Bốn sinh tính tham lam. Vì xưa kia, già Bốn tuy nghèo nhưng rất an phận và ngay thẳng. Trâm buồn rầu nhắc lại một vài kỷ niệm cũ của già Bốn đối với chị em nàng cho Phương nghe. Phương có vẻ cảm động nói :

– Thì tôi vẫn mời mọc bà cụ tử tế chứ có làm gì đâu. Cô đi xa lâu ngày mới về nên không biết đấy chứ ! Mà bây giờ cô có muốn đón bà cụ về chơi mấy hôm cũng được. Bà cụ chưa về quê đâu, vẫn còn ở dưới chị Tâm ấy.

Chiều hôm ấy, Trâm tự đi xuống nhà chị Tâm con dâu già Bốn, để đón già về nhà mình chơi.

Trong mười năm trời xa cách, già Bốn nay trông già hơn xưa nhiều lắm. Tóc đã bạc gần hết đầu, nhiều nếp nhăn in sâu trên mặt duy còn hai đầu mày vẫn còn nhú lại như hồi xưa. Từ hồi còn bé, Trâm cũng đã thấy hai đầu lông mày của già lúc nào cũng nhú lại. Người ta bảo già vất vả là vì thế. Trâm xa cách già từ hồi còn nhỏ tuổi, trong lòng vẫn mang một kỷ niệm thân yêu ; lúc sắp gặp già, Trâm mừng rạo rức tưởng như nàng vẫn còn có thể làm nũng già như hồi xưa, hồi mà già còn hay vuốt tóc Trâm và còn gọi nàng bằng cháu, hoặc một đôi khi quen giọng quê mùa, già thân mến gọi nàng bằng mày.

– Này, mày ăn đi, quả quýt này thế mà ngọt.

Bây giờ thì không thể được nữa, tuy già Bốn vẫn sống, và đang ở trước mặt

nàng, nhưng nàng thấy già xa lạ với mình quá.

Khi gặp nàng, trái với cử chỉ vô vập như Trâm tưởng, già Bốn chỉ nhìn nàng bờ ngõ. Nói với nàng, già cũng giữ lễ phép. Một điều hai điều gọi nàng bằng cô. Trâm cố gợi tình cảm cũ của già Bốn. Nàng nhắc lại những chuyện trước, nhưng nét mặt già vẫn không thay đổi. Họa hoằn lắm Trâm mới chột thấy mắt già sáng lên một giây rồi lại trở lại bình thường.

Thế là hết. Già Bốn bây giờ chỉ còn là một bà lão lẩn thẩn lẩn thẩn, trông thấy cái ống bơ sữa bỏ cũ cũng nhặt. Để cho mẹ Tâm nó đong gạo. Thấy cái nồi cũ mà Trâm bỏ không dùng vứt ở xó bếp, già cũng nhặt lên ngắm nghía :

– Cái này bỏ à. Để mẹ Tâm nó nấu

cơm thì vừa đây. Hồi tản cư, những đồ như thế này bán cũng được khối tiền, chẳng ai bỏ.

Hễ cứ ngồi cạnh già Bốn lúc nào là Trâm lại phải nghe già kể chuyện :

– Thằng cả Tâm mà nó đừng chạy đi xa quá thì cũng không đến nỗi chết. Khổ, nó bị ngã nước mà chết đấy chứ có gì đâu. Hồi nó đi, cái da nó vẫn cứ đỏ hồng. Còn thằng Tính nữa, bây giờ cũng chẳng biết sống chết ra sao. Mà bom đạn thế này thì sống làm sao được cơ chứ. Giá bình yên ra thì bây giờ nó cũng đã có vợ có con rồi đấy. Lại cái Hiền nữa. Mới đẻ mà chạy loạn lên mãi tí tặn mạn ngược. Giá nó đừng chạy thì làm gì đến nỗi chết. Cái thân già này chẳng chạy được thì lại chẳng chết cho. Còn con Hậu thì nó đi theo chồng nó. Nó bảo đợi mấy tháng

bình yên thì nó về mà bà giờ mấy năm rồi. Con ơi ?

Rút lời già Bốn đưa vật yếm lên lau mắt rồi lại tiếp :

– Bây giờ còn có con mẹ cả Tâm. Thằng bé thì cũng cứ sai đẹn, leo kheo mãi, mà mẹ nó kiếm chẳng đủ ăn.

Mấy lần đầu nghe già kể, Trâm cảm động thương già đến phát khóc. Nhưng luôn mấy ngày hôm nay, nàng cứ phải nghe mãi một giọng và một chuyện ấy mãi, Trâm thành ra khó chịu. Lắm lúc nàng phải giả vờ đứng lên làm việc gì đấy để khỏi phải nghe. Nàng đã thấy muốn tránh cái bà già lẩn thẩn. Nhưng tránh được già rồi thì Trâm lại thấy hối hận ngay. Nàng thấy như mình ích kỷ và thấy khó chịu ngay với chính mình. Trâm tự nhủ là phải đối đãi với già Bốn

cho tử tế hơn. Nàng cho người đi mua vải lụa về để may quần áo cho già ; nàng làm các thức ngon vật lạ cho già ăn. Tuy vậy nhưng Trâm vẫn không muốn ngồi gần bên già. Nàng khó chịu vì tính lẩm cẩm của già. Đã có lúc nàng mong cho già Bốn sớm trở về quê mà ở, ý nghĩ này làm Trâm đau khổ vô cùng. Nàng thấy là nàng đã phạm vào một lỗi để nàng phải hối hận. Trâm biết rằng miếng ngon, vật lạ, quần áo, nàng mua sắm cho già thì dễ, tình thương nàng vẫn có thể nhưng có được cái tình cảm chân thành, yêu mến già như hồi nhỏ thì thực khó quá chừng.

TÌNH LỤY

Hồi gia đình Nhân mới vào Sài-gòn, Nhân tìm thuê được một căn nhà ở vùng Hòa Hưng, gần Khám Chí Hòa, Nhà ở vào trong một ngõ hẻm. Suốt ngõ phần đông là nhà lá. Chỉ có nhà thầy Sáu lính kín mới làm lại được căn nhà gỗ hồi năm trước, và tuốt tận gần cuối ngõ có căn nhà lợp tôn của cô Hai vợ tây. Còn nhà Nhàn thuê ở căn đầu nên được ngăn cách với một bên hàng xóm bằng một đường cống lộ thiên khá lớn. Tính Nhân ít giao du nên ở được gần một tháng mà vẫn chỉ biết có nhà

anh Hai thợ giày ở trước cửa. Mới đầu Nhân cứ tưởng anh Hai là người Nam, nhưng sau mới được anh cho biết anh là người Bắc vào đây từ hồi còn nhỏ. Chị vợ là người Nam. Hai vợ chồng anh còn trẻ, mới độ ngoài hai mươi, mà đã có bốn đứa con. Anh thường đi vắng suốt ngày ; chị vợ ở nhà trông coi con nhỏ. Tình cảnh gia đình anh rất nheo nhóc, không mấy tối mà hai vợ chồng anh không cãi nhau vì chuyện tiền nong, con cái.

Còn khít bên vách nhà Nhân là nhà vợ chồng bà Tư Trọc. Hai vợ chồng đã già mà không có con cái chi cả. Bà Tư cả ngày cắm cúi ngồi khâu mướn hạt cườm để kết thành những vòng hoa đám ma. Ông chồng chỉ ngủ li bì suốt ngày. Chiều tối, sau khi đã nhậu nhẹt say sưa, bao giờ ông cũng chửi đời, chửi vợ om sòm ; hoặc ông ra sân trêu chọc con khỉ của

ông rất tàn nhẫn,

Hai vợ chồng ông đã nuôi con khỉ ấy từ hồi nào, Nhân không rõ. Tính nó rất hung dữ. Trẻ con lối xóm thích xem nó, nhưng ít đứa dám lại gần. Mỗi khi có người cho ăn, bao giờ nó cũng nhìn miếng ăn một cách dữ tợn, rồi đột nhiên nó nhảy ra giằng lấy chứ không chịu đón nhận tử tế như những con khác. Nếu có người lại gần xem thì nó nhe răng ra gầm ghè và sẵn sàng giữ thế thủ. Luôn luôn nhảy phá lung tung ở trong chiếc lồng đan bằng dây kẽm rất kiên cố, do chính tay ông Tư làm lấy để nhốt nó. Đôi khi nó cũng nằm im, mắt nhìn lên vòm lá cây và nền trời rộng ; những lúc ấy trông nó có vẻ tự lự lắm.

Nhưng nếu chỉ có thế thì Nhân cũng không nhớ đến ông Tư Trọc hay con khỉ của ông làm gì,

Một hôm Nhân đương ngồi đọc báo, bỗng thấy ngoài ngõ có tiếng ồn ào, rầm rập. Có tiếng người kêu :

– Bắt lấy nó ! Bắt lấy nó! Kia nó chạy ra kia rồi !

Nhân hoảng người lên, tưởng là có cướp ban ngày, vội vàng chạy ra thấy trước cửa nhà Nhân lỗ nhố đầy cả người lớn lẫn trẻ con, người nào cũng đang ngược nhìn lên mái nhà thấy Hai lính kín. Giữa đám đông ấy có ông Tư Trọc, mình trần trụi, mặc độc có mỗi một chiếc quần đùi đen, tay cầm một gậy lớn. Mặt đỏ tía, nước da sần sùi vừa bóng nhẫy như bôi mỡ, mắt phát ra những tia giận dữ, ông la hét om sòm :

– Xuống đây ! Mày không xuống thì mày chết với tao !

Nhân vừa đưa mắt nhìn theo mọi người vừa hỏi đứa nhỏ đứng cạnh :

- Gì thế em ?
- Con khỉ nhà ông Tư xông lồng.

Nhân « à ! » một tiếng, cảm thấy nhe cả người, đồng thời trông thấy con khỉ đang ung dung ngồi trên mái căn rận, làm lơ không thèm để ý tới tiếng người hò hét kêu gọi ở dưới.

Giọng của ông Tư lúc đó đã tức giận đến cực độ. Thằng bé đứng cạnh Nhân nhặt một hòn gạch ném lên nhưng không trúng ; và con khỉ vẫn ngồi yên bình tĩnh như thường. Những đứa trẻ khác cũng bắt chước thi nhau ném gạch lên. Một vài viên trúng vào con khỉ. Nhanh như cắt, con khỉ nhảy tuốt lên cây gòn gần đấy ; và cứ như thế nó luôn luôn nhảy

chuyển từ cành thấp lên cành cao và nấp trong các đám lá đậm, để tránh những viên gạch của bọn người ở dưới ném lên,

Có người đề nghị lấy chuối để vào trong lồng của nó, và bỏ ngỏ cửa lồng có buộc sẵn một sợi dây dài, rồi bảo nhau nấp đi, chờ nó xuống ăn sẽ cầm dây kéo sập cửa lại.

Kế đó được mọi người tán thành và chỉ trong chốc lát đám đông ở sân đã biến hết. Thế trận đã dàn, Nhân cũng như mọi người đều vào trong nhà, chỉ ghé mắt ra, hồi hộp rình con khỉ nếu tham ăn trở về lồng sẽ mắc bẫy.

Con khỉ ngồi trên ngọn cây, nhe răng trắng nhòn, lăm le nhìn xuống quả chuối ngon lành đã bóc sẵn vỏ, đặt trong chiếc lồng đóng sát vào thân một cây gòn bé ở

cạnh đấy, chiếc lồng kiên cố đã bao lâu giam giữ nó.

Nhân hỏi thằng bé đứng cạnh :

– Này làm thế nào mà nó ra được khỏi lồng thế ?

Thằng bé đáp :

– Nó tự rút then cài ra đấy ông ạ. Nó khôn lắm kia !

– Thế sao từ bao lâu nó không rút mà bây giờ mới rút ?

– Cháu cũng không biết ; chắc bây giờ nó mới biết và bắt chước người ta rút ra được...

Thằng bé bỗng ngừng nói và thích vào người Nhân, Nhân nhìn ra thấy con khỉ đã từ trên cành cao nhảy xuống cảnh thấp gần nơi chuồng có quả chuối. Nhân

hồi hộp thầm nói : « Đừng! Đừng có tham ăn vào mà chết ! »

Nhưng con khỉ lại đã từ cây gòn lớn nhảy sang cây gòn nhỏ, gần cái chuồng của nó hơn. Trông dáng nó nhìn hau háu vào quả chuối, Nhân biết là nó đang đói lắm và Nhân lo sợ cho nó quá. Nhìn kỹ thấy cái cửa lồng hơi động, Nhân biết người ta đang nấp ở một chỗ nào đó và đang sửa soạn chờ con khỉ chui vào lồng thì giật bấy.

Con khỉ thềm thường nhìn quả chuối một hồi, bỗng kêu lên choe choe và nhảy vọt lên cành cao, nhanh như cắt, nó chuyển từ cành nọ sang cành kia, miệng không ngớt tiếng kêu ; rồi thoát một cái nó nhảy lên nóc nhà Nhân, chuyển qua nóc nhà ông Tư Trọc sang nóc nhà khác, cứ thế chỉ một loáng đã mất tăm mất dạng.

Tình thế thay đổi quá nhanh, Nhân không ngờ con khỉ khôn ngoan quá sức. Nó đã tự tay tháo cũi sổ lồng để được tự do và không vì một miếng ăn mà chui đầu vào lồng để người ta lại giam cầm như bấy lâu nay.

Đám người vẫn nấp kín từ nãy bây giờ lại ồn ào kéo cả ra sân. Ông Tư Trọc lại vừa hét vừa chửi như điên như cuồng vì tức giận.

Thầy Hai lính kín đứng giữa sân nói lớn :

– Làm gì mà ồn lên thế ! Nó chỉ quanh quẩn đâu đây chứ chưa đi xa đâu, Giống nó khôn lắm. Muốn bẫy nó bây giờ chỉ có mỗi cách kiếm được một con khỉ cái nhốt vào lồng mà bẫy nó thì chắc phải được. Không biết gần đây có ai nuôi khỉ cái không nhỉ ?

Nhiều người đáp:

- Có. Cô Bảy xóm trong.
- Vậy ai đi mượn đi
- Thằng Kiêm đi đi!

Thằng Kiêm đứng gần đấy, không đợi bảo đến hai lần, đã quay cổ chạy biến đi ngay. Một lát sau, nó đã dắt con khỉ cái về. Đó là một con khỉ nhỏ hơn con khỉ của ông Tư, lông nó xơ xác, dáng điệu của nó mềm yếu, ủ rũ, nhẩn nại, chứ không hung hăng như con kia,

Người ta bỏ nó vào lồng của con khỉ đực và buộc nó lại, rồi mở tung cửa lồng ra để nhử con khỉ đực. Con khỉ cái bé nhỏ cứ nép sát vào góc lồng, dương cặp mắt nhớn nhác nhìn mọi người và miệng thì kêu rít lên những tiếng nho nhỏ một

cách sợ hãi và tuyệt vọng. Nhân trông nó mà thương hại.

Bọn người đứng rình khá lâu mà chưa thấy bóng con khỉ đực trở lại, đã bắt đầu nản và lẻ tẻ kéo nhau ra về. Ông Tư Trọc thì đem một chai rượu và một đĩa cá nướng ra ngồi ngay ở sân gần cái lồng, vừa ăn uống, vừa chửi rủa.

Thầy Hai lính kín vào trong nhà được một lúc, có lẽ để ăn cơm, vì miệng hãy còn ngậm tăm, bây giờ đã trở ra để mách nước ông Tư.

Thầy Hai nói :

– Cứ kệ nó ông ạ, ông cứ yên trí vào trong nhà mà uống rượu đi. Thế nào nó cũng về mà.

– Nhưng phải ngồi đây đợi nó về còn giật dây đóng cửa lồng lại chứ.

– Nhưng có ông ngồi đây, nó không dám xuống đâu.

Ông Tư Trọc đành phải đứng dậy, loạng choạng đi vào, vừa đi vừa chửi đồng, và hét vợ ra đem đồ nhậu vào cho ông

Nhân cũng trở vào nhà, lòng bình tĩnh, anh nghĩ : « Chả nhẽ đến giống vật mà cũng bị mắc lụy vì tình hay sao ? Và con khỉ đực này khôn lắm kia. Nó đói thế mà miếng ăn để trước mắt nó còn chả thèm nữa là. »

Nhưng chỉ một lát sau, khi trời vừa chạng vạng tối, Nhân lại thấy tiếng la hét của ông Tư Trọc ; và tiếng chân người chạy thình thịch trước cửa nhà ; Nhân vội vàng đứng dậy chạy ra.

Thật là một điều Nhân không ngờ.

Con khỉ đực của ông Tư Trọc đã vào lồng từ lúc nào và ông Tư đã giật bẫy được nó. Ông đã bỏ con khỉ cái ra ngoài lồng trao cho thằng Kiêm đem trả cho chủ nó. Thằng Kiêm hãy còn đang dắt con khỉ cái đứng chờ xem ông Tư sửa soạn hành hạ con khỉ đực.

Nhân đưa mắt có vẻ oán ghét nhìn thấy Hai lính kín đang đứng gần đấy, dáng vênh vang tự đắc. Thấy vừa cười ha hả, vừa nói :

– Đấy, tôi nói có sai đâu. Giống này gớm lắm ; nếu không có con cái để bẫy thì đừng có hòng mà bắt lại nó.

Ông Tư đứng trước chiếc lồng khỉ, tay cầm một chiếc xiên nhọn, vẻ mặt hung ác vô cùng. Ông vừa chửi vừa đâm chiếc xiên vào con khỉ.

Con vật đáng thương luôn luôn phải nhảy tránh mũi xiên trong chiếc lồng bé nhỏ chật hẹp. Nó hung hăng, nó lồng lộn, nó rít lên từng hồi. Tiếng rít lên đầy vẻ căm tức, công phần hơn là sợ hãi,

Ông Tư mới đầu còn nhắm con khỉ cẩn thận rồi mới đâm. Nhưng con khỉ nhanh nhẹn nhảy được. Ông Tư đâm hệt luôn. mấy cái, tức mình hét lên và luôn tay đâm bừa vào lồng. Con khỉ bị trúng mấy xiên, kêu lớn lên thảm thiết.

Vẫn chưa hả cơn giận, lão Tư Trọc lại còn nghĩ ra một cách mới hơn, độc ác hơn. Lão ngậm một ngụm rượu lớn ở trong miệng, quẩn một miếng giẻ có tẩm dầu vào đầu chiếc xiên, châm lửa đốt cháy lên, rồi vừa đâm chiếc xiên lửa vào con khỉ, lão vừa phun rượu vào nó, Đến lúc này con khỉ không kêu và cũng không nhảy nữa. Nhân thấy nó co mình,

bíu chặt lấy góc lồng phía trên, mắt nhìn theo ngọn lửa sợ rùn người lại.

Bọn người đứng xem, lúc đầu thấy ông Tư đâm hụt và con khỉ nhảy tránh hay hay còn reo cười, nhưng sau dần chỉ thấy ngẩn mặt ra nhìn, không ai cười nói nữa, rồi không biết vì trời đã tối hay vì ghê rợn, đã bỏ ra về, chỉ còn lại có vài ba người trong số vẫn còn thấy Hai lính kín với nét mặt vênh vang tự đắc.

Nhân mấy lần định chạy ra ngăn cản hành động vô nhân đạo của lão Tư Trọc, nhưng em gái anh vội níu lại can :

– Thôi, đừng anh ! Ông ấy dữ tính lắm, anh đừng dây vào.

Và rồi như sợ Nhân không nén được tức bực, người nhà Nhân vội đẩy Nhân vào nhà trong và đóng cửa lại.

Nhân ngồi phịch xuống ghế, hai tay ôm chặt lấy đầu, miệng lẩm bẩm : “Đồ khốn nạn ! Đồ vô nhân đạo !”

Sáng hôm sau, Nhân nghe nói con khỉ đã chết ; lão Tư Trọc vẫn còn ngủ say lả lóc ; và vợ lão đã đem xác con khỉ đi vứt ở đồng rác đầu ngõ.

Riêng Nhân vẫn không hết băn khoăn, anh vừa thương tiếc con khỉ, vừa giận sao nó đã thoát rồi mà chỉ vì một con khỉ cái, lại lao đầu vào bẫy. Không lẽ con vật ấy cũng chết vì tình sao ? Nhưng anh chợt nhớ tới dáng điệu thiếu nảo và sợ hãi của con khỉ cái cứ nép mình sát vào lồng, kêu lên những tiếng đau thương và tuyệt vọng. Chính lúc ấy, anh cũng còn phải thương nó, mong nó được thả ra kia mà ! Vậy thì sao không nghĩ rằng con khỉ đực, tuy đã được tự do, nhưng vì tiếng kêu đau thương của đồng loại, nên

không nỡ thoát thân một mình và đã trở lại cứu.

Nhưng mọi người đều bác ý nghĩ đó của anh và nhất định cho rằng con khỉ đực trở về chỉ vì con khỉ cái là con khỉ cái.

Nhưng dù con khỉ đực có thật trở về vì con khỉ cái là con khỉ cái đi nữa. Nhân cũng vẫn cứ cho là nó về vì muốn cứu đồng loại của nó đang bị đau thương.

HAI CHỊ EM

Kinh tặng hương hồn chị tôi.

Vợ anh L.K. một chiến sĩ Quốc Gia.

Sau mấy ngày xảy ra cuộc phân tranh Quốc Cộng, Dung nhận được thư của Lắm từ mặt trận gửi về. Thư nói những gì, Dung không đưa cho Nhàn xem, nhưng Nhàn thấy chị cứ được rồi lúc nào lại giở thư ra đọc thầm, phần nhiều là lúc Dung nằm trên võng ru con ngủ. Khi Nga đã ngủ say, Dung lại giở thư chồng ra đọc. Nhìn theo cử chỉ

của Dung. Nhân thấy chị vừa xem vừa chấm nước mắt, nhưng thỉnh thoảng lại mỉm cười

Một lần Nhân hỏi Dung :

– Thư anh có nói bao giờ về thăm chị với cháu không ?

Dung khẽ thở dài, chớp mắt mấy cái, rồi nói :

– Theo hy vọng của anh ấy thời chỉ mấy ngày nữa quân ta sẽ chiếm lại được thành, anh hẹn lúc đó sẽ về thăm nhà, thế nhưng...

Dung tỏ vẻ lo ngại, lấy thư của Lãm mà lúc nào nàng cũng để ở trong túi áo ra, ngáp ngừng đọc một đoạn cho em nghe. Mặc dầu nàng đã thuộc lòng, nhưng vẫn cứ nhìn theo từng chữ trong thư để đọc. Nàng hơi đỏ mặt e thẹn, vì trong thư

Lầm gọi nàng bằng em mà trước mặt mọi người Lầm chưa hề gọi nàng như vậy.

“Nếu nhớ ra anh có mệnh hệ nào thời em cố gắng vui vẻ nuôi con cho sau này nó nối chí anh. Nhưng nói vậy thôi, anh không sao đâu em đừng lo. Anh hứa hôm nào quân ta vào được trong thành, anh sẽ về thăm em và con.”

Độc đến đây Dung ngừng lên, rướm rướm khóc nói :

– Anh ấy ở ngay ngoài mặt trận, giữa nơi bom đạn, mà nói gở thế này nhớ có...

Dung không nói được hết câu ; nàng ngừng lại, nước mắt ràn rụa trên má. Trong lúc ấy Nhàn vẫn ngồi yên, tay táy máy gấp mảnh giấy làm thuyền, gấp xong lại tháo ra đã mấy lần. Nhàn muốn nói một vài câu an ủi chị, nhưng không

biết nói gì, vì chính nàng cũng đang thấy lòng nao nao muốn khóc, phần ái ngại cho chị, phần nhớ chồng.

Tuấn vì công việc phải sang Tàu từ khi Nhàn đẻ đứa con gái được vài tháng, và đã từ lâu Nhàn không được tin tức gì của chồng nữa.

Một tối cả nhà đã ngủ được một lúc lâu, bỗng có tiếng súng từ tỉnh vang tới, tất cả đều giật mình thức giấc, nhưng vẫn nằm yên trừ có Dung đã ngồi bật dậy.

Nàng hoảng hốt nói như cầu cứu :

– Chết rồi ? Không biết bên nào bắn mà ghê thế ! Cô Nhàn có thấy ở đây mà cũng chuyển cả đất không ?

Thấy Nhàn không trả lời, tự nhiên Dung cúi gắt lên với em :

– Gớm chết ! Súng đạn âm âm thế mà vẫn cứ ngủ yên được, không biết sốt ruột !

Dung vừa nói rút lời, một loạt súng khác dữ dội hơn vang tới, Dung lật chăn bế con dậy và nói :

– Nga ơi! dậy đi, ở ngoài mặt trận bây giờ còn bao nhiêu người đang chiến đấu, có khi còn phải lội xuống nước ẩn để đánh Cộng quân nữa, mình ở đây đã được yên ổn, còn đắp chăn ấm áp làm gì!

Nhàn tuy nằm nhưng vẫn hé mắt nhìn Dung. Bóng ngọn đèn Hoa kỳ vắn nhỏ để trên bàn thờ chiếu qua lần màn mỏng vào người Dung một ánh sáng mờ mờ. Dung ngồi bế con như một cái bóng, đứa bé vẫn ngủ, Dung thời luôn miệng cầu khẩn, tiếng nàng khe khẽ, nhưng run run và nóng nẩy :

– Lạy Giời, lạy Phật cho quân ta thắng, không ai chết ! Lạy Giời, lạy Phật cho quân ta thắng, không ai chết !

Nhàn không ngờ chiến tranh xảy ra lại thay đổi tính Dung. Hồi trước, mỗi lần thấy Lắm giúp vào công việc xã hội, hay thấy anh nàng đọc sách chính trị là Dung lại phàn nàn. Có nhiều lần Nhàn thấy chị gắt với Lắm :

– Người gì mà chả để ý đến công việc làm ăn buôn bán, chỉ lo những việc đầu đầu ; Việc nhà thời nhác, việc chú bác thời siêng...

Lắm phần nhiều chỉ cười ôn hòa và đem các lý nhẽ cao siêu ra giảng giải cho vợ nghe, nhưng Dung không thể hiểu, Lắm càng nói, Dung càng cho là Lắm gàn, và càng tức với chồng. Bây giờ thời khác hẳn. Suốt từ hôm về ở đây, Dung

không hề có một ý gì trách chồng không cùng chạy với nàng, như nhiều người đàn ông khác đã thu xếp đồ đạc giắt dúi vợ con chạy trốn. Nàng lại còn tỏ vẻ khinh những người như vậy, và nói :

– Nước Việt Nam cần phải có những người như Lãm.

Nàng luôn luôn ca tụng các chiến sĩ và vô tình đã trở nên một tay tuyên truyền rất hăng hái cho mặt trận quốc gia kháng cộng.

Ngày ngày, những lúc rỗi rãi, Dung bế con ra ngoài Miếu chơi. Gặp các người tỉnh thành qua lại ở đường làng, bao giờ nàng cũng hỏi :

– Thế nào bác ! Quân ta thắng hay bại !

– Thắng : Phải thắng chứ. Sắp chiếm lại được thành rồi !

Dung vui sướng hỏi tiếp :

– Thế khu Nam sao hở bác ?

– Khu Nam à ? Các anh em ở đấy chiến đấu anh dũng và tinh thần lắm !

–Ồ !

Dung cười kiêu hãnh, nghĩ đến Lắm đang làm phó chỉ huy ở đó. Thế rồi gặp ai nàng cũng nói :

– Quân ta chiến đấu hăng hái lắm ! Sắp lấy lại được thành rồi.

Qua một tháng, bỗng có người đưa tin về cho Dung biết là Lắm đã bị tử trận. Được tin Dung khóc nhiều lúc như đứt hơi hay đến lịm đi. Đã có lúc nàng nghĩ đến sự chết, nhưng nhớ đến lời chồng

dẫn : “Nếu anh có mệnh hệ nào thời em cố gắng vui vẻ nuôi con để sau này nó nổi chí anh. Và “Còn Nga, khi mình chết đi rồi thời nó ở với ai, ai cho nó ăn cơm, ai tắm cho nó và nó ngủ với ai ?” Nghĩ đến đây Dung càng thấy thương tâm và thương Nga quá. Nàng vội ôm chặt lấy con ở trong lòng, áp má nàng vào má nó, vừa khóc vừa nói :

– Không, mợ không chết đâu, mợ ở với Nga, nuôi Nga nhớn lên để sau này nổi chí ba chứ !

Thấy chị bỗng nhiên góa chồng, Nhàn buồn như chính nàng đang gặp cảnh ngộ ấy. Nhàn nghĩ giá bây giờ Tuấn về, nàng ở với chồng, chắc Dung chơ vơ khổ sở lắm. Chỉ mới tưởng tượng vậy thôi mà Nhàn đã thấy náo lòng ; nhưng Nhàn không nén nổi nhớ chồng bỗng bật. Mỗi lần có việc phải đi chợ, hay sang

làng bên, trên con đê dài xa hút nếu có bóng một người đàn ông nào từ xa đi tới là tim Nhàn lại hồi hộp. Nhàn hy vọng và tưởng tượng người đó là Tuấn, biết đâu Tuấn thấy trong nước loạn lạc, lo cho vợ con gia đình, chàng đã trở về và đương tìm đến. nơi Nhàn ở.

“Ồ, nếu thực thế khi gặp chắc mình sẽ ngã ngất vào lòng Tuấn chứ không còn nói gì được nữa.”

Sự tưởng tượng sung sướng có lẫn nhiều tủi khổ khiến Nhàn phát khóc.

Dung biết là Nhàn nhớ chồng lắm, nhưng không bao giờ thấy Nhàn nhắc nhở tới Tuấn trước mặt Dung. Một lần, Dung bắt gặp Nhàn đang mê say xem ảnh chồng ; lúc thấy tiếng Dung. Nhàn cất vội ảnh quay ra nhưng nhìn mắt Nhàn, Dung cũng biết là em vừa mới khóc. Lúc

ấy Dung thấy lòng xao động ; nàng không thể phân biệt được rằng mình đang phải nên khóc vì thương mình hay thương em.

Mặt trận lại lan đến quê nhà. Trong làng có lệnh triệt để tản cư. Hai chị em phải bồng bế hai đứa con chạy sang một làng nhỏ ở bên kia sông. Tiền hết dần, hai chị em phải học nghề quay bông thành sợi để kiếm ăn.

Sống trong một gian nhà là nhỏ lụp sụp ẩm ướt mà ủy ban tản cư ở đây đã dành cho, thường có những ngày mưa phùn, tối tăm hai chị em ngồi trên mảnh chiếu rách, không ngừng tay kéo sợi. Tiếng khung sợi kêu sè sè, cùng với tiếng gió bắc, đập rơi lộp bộp những hạt mưa phùn động trên các ngọn cây.

Trong gian nhà tối mò, hai đứa trẻ

con không được mẹ trông coi, đang quấy khóc, Nhàn nhìn chị. Trên thân hình mảnh giẻ, Dung mặc chiếc áo lụa cũ, có thêu hoa rất đẹp, nay đã đem ruộm vò già, bên ngoài mặc một chiếc gi-lê đen của Lãm. Đầu tóc Dung bờ phờ, chít lỏng lẻo chiếc khăn ngang. Gương mặt nàng gầy tọp hằn đi ; nước da xanh ; đôi mắt buồn, có lẽ Dung đang nghĩ đến cảnh sum họp cùng Lãm ngày trước.

Nhàn thương chị lắm, nàng không khóc nhưng ngực bị ép nặng như người nhịn thở lâu. Thỉnh thoảng nàng phải ngồi thẳng lên để thở một hơi dài, giấu những tiếng nấc mà Nhàn không muốn để Dung nghe thấy.

Ở đây tuy xa mặt trận, nhưng người ta vẫn nghe thấy tiếng súng từ trên tỉnh vang tới ; Về đêm, vì yên tĩnh, nên nghe như gần và rùng rợn hơn ; nhưng Dung

không còn hốt hoảng ngồi dậy như trước nữa ; nàng chỉ hay trở mình và chốc chốc lại thở dài.

Nhàn cũng không ngủ được. Hồi tưởng lại lúc Tuấn ra đi, nắm chặt tay nàng và hôn lên trán con, rồi bước vội lên xe. Chỉ ngần ấy cử chỉ cũ nghĩ lại, Nhàn đã thấy lòng xao xuyến. Có những người ra đi rồi bị nạn giữa đường, những ý nghĩ vẫn vợ làm Nhàn lo sợ, Bên ngoài gió thổi vun vút từng cơn, lửa qua tấm phen cửa, các kẽ vách, thấm lạnh vào lòng hai chị em.

✱

Một hôm Nhàn đi chợ bán sợi, tình cờ gặp Kim là vợ một đồng chí của Tuấn, Kim nói cho Nhàn biết là nhà nàng đã

có người ra xem xét ở tỉnh. Ngoài đó bây giờ đã có chợ họp ở bờ hồ các phố đã lác đác có người ở : và điều quan trọng nhất là đã có một ít người ở Tàu về.

Nghe tin, Nhàn vui sướng quá đến nóng cả mặt. Nàng nắm chặt lấy tay Kim, cuống quýt hỏi đi hỏi lại về tin này, Nàng hy vọng, biết đâu Tuấn đã chẳng ở ngoài đó rồi. Trước khi từ biệt Kim. Nhàn hẹn đi hẹn lại Kim hễ có cách ra tỉnh thì rủ nàng đi với.

Nhàn vội vã bán sợi. Sợi của chị em nàng quay bao giờ cũng nhỏ và đều, nhưng người mua còn giở ra xem rồi mới mặc cả, Nhàn sốt ruột, giựt lấy bó sợi ở tay người lái :

– Đã bảo là sợi tốt mà lại. Không mua thôi thôi để bán cho người khác ! Xem mãi mất cả thời giờ !

Mặt người lái mở to mắt nhìn theo và nói những câu gì không rõ, Nhàn chạy đi bán cho người khác,

Gặp một bác lái quen, sau một vài câu trao đổi, Nhàn đã thỏa thuận bán ngay, tuy biết là rẻ đến hơn đồng bạc. Lúc trả tiền, người lái đã đếm đủ một lượt rồi lại còn đặt từng tờ một vào tay Nhàn và đếm :

– Một này, hai này...

Mặt Nhàn cau có. Bác lái vẫn cứ tùm tùm cười :

– Ba này, bốn này...

Đếm cho đến tờ giấy bạc cuối cùng, bác lái đặt mạnh vào tay Nhàn xong xòe hai bàn tay không ra và nhe răng cười, tiếp :

– Hết nhé ! Đủ chưa ?

Nhàn không kịp đáp, vội vã đi ngay, nàng chỉ mong chóng về tới nhà để kể lại chuyện cho Dung nghe.

Mãi gần trưa, Nhàn mới về tới nhà. Hai đứa trẻ đang ngủ ; Dung đương ngồi quay sợi ở hè. Trông thấy nét mặt buồn rầu của chị, Nhàn trở nên ngập ngừng. Một lát sau Nhàn mới dám nói cho Dung biết chuyện và hỏi ý Dung về việc ra tỉnh.

Nghe em nói xong. Dung vẫn yên lặng kéo sợi, không nói gì. Một lát nàng ngừng lại rút chiếc khăn tay ở trong chiếc thúng con đựng sợi ra thấm nước mắt, rồi nói:

- Tôi không đi đâu !
- Sao ?
- Anh Lắm bị chết ở ngoài ấy...

Dung nấc lên khóc. Nhàn cũng rướm rướm nước mắt đáp.

- Thế thôi ; tôi chả đi nữa !
- Cô cứ cho cháu đi, biết đâu chú Tuấn không đang ở ngoài ấy.
- Thế còn chị ?
- Tôi à ?

Dung không nói hết lời, và tay kéo sợi như nhanh hẫ lên,

Mấy hôm sau, Kim lại thăm và hỏi Nhàn nếu có định đi ra tỉnh thời sửa soạn sẵn đến đầu tháng sắp tới sẽ khởi hành, nhưng cần phải giữ bí mật, vì e có sự trở ngại,

Thấy ngày đi gấp quá, Nhàn bối rối nhìn Kim rồi lại nhìn Dung.

– Hôm nay đã hăm tám rồi.

Dung nói và thần thờ nhìn mấy con chim sẻ bay từ ngọn cây cau xuống đậu trên thành bể nước.

Nhàn hỏi :

– Thế nào, chị Dung ! còn mấy ngày nữa thôi ?

– Cô cứ cho cháu ra trước đi xem thế nào đã,

– Không phải xem chị ạ! (Kim nói xen vào) Ngoài ấy đã có vô số người ra ở rồi. Mà ra bây giờ thời hơn, vì may ra nhà cửa còn nhặt nhanh được tí gì chẳng ; ra chậm thời mất hết.

Dung không cùng một ý nghĩ giống Kim. Cả cái tỉnh kia đã bị mất theo với Lắm rồi, còn nói chi đến đồ đạc với nhà

cửa. Tuy Dung không nói ra, nhưng Nhàn cũng đã đoán được ý nghĩ ấy của chị, nàng phân vân không biết nói thế nào để giục chị cùng đi với mình được nữa.

Kim đứng dậy ra về và hẹn lại:

– Nếu các chị định đi thời ngày kia cùng về quê tôi bên Cự-đà, chờ người đưa đi.

– Ngày kia !

Nhàn kêu lên và nhìn sang phía Dung, nói như khóc :

– Thế nào chị Dung !

Dung không trả lời em, nàng quay ra nói với Kim :

– Thôi chị lại nhà ; để tôi bảo cô cháu sắp sửa ngày kia đi với chị.

- Thế chị không đi à ? Kim hỏi.
 - Không, tôi ở lại.
 - Chị gàn quá. Chỗ chị em thân tình tôi mới bảo chị. (Kim hạ giọng) các người khác tôi có bảo ai đâu.
 - Cám ơn chị, hăng cứ để cô cháu ra trước xem đã.
- Tiến Kim về rồi. Dung quay vào nói với em :
- Thôi cô cứ đi trước đi xem thế nào đã, rồi nhắn về cho tôi ra sau ; còn bây giờ đã biết thế nào mà kéo cả ra.
 - Nhưng mình chị ở lại đây thì làm thế nào ?
 - Được đến đâu hay đến đó lo gì.

Tuy nói vậy nhưng lòng Dung như thắt lại, tưởng nghĩ đến lúc Nhàn đi rồi, còn có mẹ con nàng ở lại. Không muốn nghĩ xa hơn nữa, Dung đi ra ngồi kéo sợi ; nhưng chỉ được một lát nàng lại bỏ đấy ; nàng không còn bụng dạ nào làm việc lúc này nữa ; mà kéo để làm gì, ngày kia Nhàn đã đi rồi, Dung khổ sở và buồn quá. Trời thâm thấp như sắp mưa, óc Dung mang mang không rõ mình mê hay tỉnh, Dung mong nó chỉ là giấc mơ.

Đêm ấy cả hai chị em cùng trần trọc. Nhàn nằm yên để nghe từng cái trở mình của chị. Đến lúc này Nhàn cũng vẫn còn phân vân không biết nên đi hay nên ở : Nhớ chồng, thương chị, cả hai đường đều có sức mạnh ngang nhau. Có lúc Nhàn tặc lưỡi tự bảo cứ đi ; có lúc lại nhất định ở lại, óc nghĩ lan man, nhưng rồi nàng cũng chợp ngủ đi ; chỉ có một

giấc ngủ mà Nhàn cũng mơ thấy chồng và hình như thấy có cả Dung nữa.

*

Tất cả hành trang của mẹ con Nhàn đã xếp gọn vào trong một chiếc đẩy nân nhỏ mà Dung đã khâu cho Nhàn. Hai chị em quyến luyến, không muốn rời xa một bước, óc luôn luôn nghĩ đến ngày hôm sau đã phải xa nhau.

Trong bữa cơm sáng. Dung nói :

– Thôi thế là còn có bữa này và bữa chiều nữa thôi mai cô đã đi sớm, không kịp ăn cơm...

Nghe chị nói, Nhàn suýt bật khóc. Nàng vội cúi xuống, bón cơm cho con rồi đưa tay áo lên gạt thấm nước mắt.

Đêm cuối cùng, hai chị em dặn dò nhau mãi chẳng hết lời. Lúc sáng ra Nhàn thấy mắt Dung đỏ mọng hằn lên, Dung không nói gì nữa. Còn Nhàn hẹn mãi chị thu xếp dọn về nhà quê ở, rồi chờ tin nàng hễ nhắn về thi ra ngay.

Một lát sau, bên nhà Kim có người sang đón Nhàn đi. Dung đứng trên hè nhìn theo em, Nhàn đi ra khỏi cổng, quay nhìn lại vẫn thấy Dung đứng ngầy người như pho tượng: Nhàn vừa khóc vừa bước thật nhanh, vì biết nếu nhìn chị lâu, nàng sẽ không còn can đảm để đi nữa.

Nhàn đi đã khuất mà Dung vẫn cứ đứng như vậy cho đến khi trong nhà có tiếng Nga thức dậy gọi : « Mợ ! » Dung như chợt tỉnh, quay trở vào, ôm lấy con, nói khẽ trong hơi thở :

– Thôi thế là cô Nhàn bế em đi mất rồi !

Ngọn đèn thấp đêm vẫn cháy. Phía giường Nhàn nằm, trên mặt chiếu xô lệch còn ngổn ngang mấy thứ của Nhàn đã bỏ lại. Một chiếc áo cánh Nhàn thay vội trước khi đi vút bên chiếc gối hây còn in vết lõm đầu Nhàn, Dung nhìn lưu luyến những dấu vết ấy, kể từ đôi guốc của Nhàn trên mặt đất, đến cái lúc lắc bằng nhựa xanh đỏ của con Nhàn chơi ném ở góc nhà.

– Thôi thế là cô Nhàn đã bế em đi mất rồi !

Dung nhắc lại và ôm chặt con vào lòng, khóc nức nở như ngày nào được tin Lâm chết...

✱

Nhàn ra tỉnh được năm tháng có người nói cho biết từ ngày Nhàn đi, Dung bế con về quê nhà, dọn ngôi hàng nước ở bến đò Giẽ ; người Dung gầy hơn xưa nhiều lắm.

Còn Tuấn, Nhàn đã hết sức tìm xong chưa gặp. Mãi sau có người quen đưa lại cho nàng một bức thư của Tuấn từ bên Tàu gửi về. Trong thư có câu : « ... trong giai đoạn này anh còn nhiều phận sự phải làm. Em hãy cố nuôi con, đợi ngày anh trở về ; ngày ấy phải là ngày nước nhà hoàn toàn độc lập cộng sản hoàn toàn tiêu diệt...»

Đọc xong câu này, Nhàn không khỏi rùng mình, liên tưởng đến lời thư Lắm viết cho Dung hồi trước.

Nhớ Dung, nàng muốn đón chị ra, hoặc trở về với chị, xong đường lối trở ngại. Nhiều lúc Nhàn giận mình nghe lời đồn nhảm, vội ra Hà-nội, bỏ chị ở lại một mình và tự cho mình rất có lỗi đối với chị.

Cho đến mùa Đông năm sau, lại có người ở nhà quê ra nói chuyện làng bị đại bác nổ ngay sau Đình gần nhà: lúc đó Dung đang ở ngoài sân nàng bị ngất đi, và cứ thế lịm dần sau ba ngày thì tắt thở,

Người kể chuyện tỏ vẻ hơi ngạc nhiên vì thấy Nhàn sau khi nghe tin Dung chết mà không khóc. Nhưng ai biết được rằng có nhiều lúc Nhàn thần thờ nhớ đến Dung với cái hình dáng mảnh giẻ mặc chiếc áo cánh lụa son, chiếc gi-lê đen và giải khăn ngang chít lỏng lẻo trên đầu, Dung đứng trên hè nhìn theo Nhàn đi cho đến khi khuất bóng.

Nhàn nấc lên :

– Chị ơi ! Có ai ngờ hôm ấy lại là ngày vĩnh biệt !

– HẾT –

Giấy phép của

Nha Thông Tin Nam Phần.

Số : 2128/X.B. Cấp ngày 7-12-1957.

CHÚNG TÔI ĐANG IN

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN của Khải Hưng

– Hồn bướm mơ tiên là một cuốn tiểu thuyết chiếm kỷ lục về bán chạy từ xưa tới nay.

– Hồn bướm mơ tiên tuy một cốt truyện tình lãng mạn, nhưng là một thứ lãng mạn, nhẹ nhàng, lành mạnh, khác hẳn với lối lãng mạn đau khổ, tuyệt vọng... Với các câu chuyện như thế, tác giả lại còn biết đặt nó vào trong khung cảnh thiên nhiên đầy mộng và thơ giống như khung cảnh thần tiên không dính chút bụi trần. Vì thế người đọc đã rung cảm vì những tình tiết trong truyện lại

bâng khuâng bay bổng vì những khung cảnh đầy thi vị đó nữa... Có thể nói được rằng : đây không còn là văn xuôi nữa mà là những lời thơ êm đềm thanh thoát, dào dạt một nguồn tình cảm phong phú chúng ta tưởng mình như đương mọc cánh bay bổng xa hẳn cuộc đời thực tại để chơi vơi trong thế giới của thanh âm và nhạc điệu, của tình cảm và triết lý... (Nguyễn duy Diễn trong cuốn luận đề về Tự Lực Văn Đoàn)

TIÊU SƠN TRẮNG SĨ của Khải Hưng

« Đáng chú ý là ông còn viết thêm một tác phẩm có nhiều giá trị về văn chương và lịch sử là Tiêu Sơn Tráng Sĩ...» (Nguyễn duy Diễn trong cuốn Luận đề về Tự Lực Văn Đoàn.)

BUỒM TRẮNG của Nhất Linh

Tác phẩm đặc biệt nhất của ông Nhất Linh là Bướm Trắng. Ở đây ông đã chứng tỏ một tài năng phân tích tâm lý và tình cảm đến độ tinh vi, sâu sắc nên ông thực xứng đáng với huy hiệu « nghệ sĩ thuần túy » (Nguyễn duy Diễn trong cuốn Luận đề về Tự Lực Văn Đoàn).

– Cuốn này đã được chọn lọc đem dịch ra tiếng nước ngoài (Anh, Pháp v.v...) để giới thiệu văn hóa Việt Nam với ngoại quốc.

HÀ NỘI BĂM SÁU PHỐ PHƯỜNG
của Thạch Lam

– Nhưng nghệ thuật của ông bộc lộ một cách rõ rệt nhất trong tập « Hà nội băm sáu phố phường » ở đây ông tả bằng một ngòi bút tinh vi và bằng một lòng tha thiết vô cùng. Ngoài ông ra, có lẽ khó có một nhà văn hào có thể tả được những

thứ tâm thường đó một cách linh động và đầy thi vị được đến như thế (Nguyễn duy Diễn trong Luận đề về Tự Lực Văn Đoàn).

CHÚNG TÔI LẦN LƯỢT SẼ TÁI
BẢN

Gia đình của Khái Hưng – Sợi tóc
của Thạch Lam

Phượng Giang xuất bản

Nam Cường tổng phát hành

Giá 38 đ

